

**BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**



ĐỀ ÁN
TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ
VỀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2021

MỤC LỤC

Phần thứ nhất: SỰ CẦN THIẾT TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT.....	1
I. BỐI CẢNH VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VỀ PHÁP LUẬT Ở NƯỚC TA	1
1. Bối cảnh đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay.....	1
2. Nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, pháp luật và hội nhập quốc tế	2
3. Nhu cầu đẩy mạnh nghiên cứu khoa học pháp lý và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, pháp luật và hội nhập quốc tế.....	3
4. Nhu cầu hội nhập quốc tế để tăng cường chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách tư pháp, pháp luật	4
II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 549/QĐ-TTg NGÀY 04/4/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ ...	5
1. Những kết quả đạt được	5
1.1. Về quy mô đào tạo	5
1.2. Về chất lượng đào tạo	6
1.3. Về nghiên cứu khoa học.....	7
1.4. Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng	7
1.5. Về cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân lực	8
1.6. Về hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế.....	9
1.7. Về cơ sở vật chất	10
2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân	10
2.1. Những tồn tại, hạn chế	10
2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế	11
III. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ CỦA VIỆC TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT	13
1. Cơ sở chính trị	13
2. Cơ sở pháp lý	16

Phần thứ hai: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT..... 17

I. QUAN ĐIỂM..... 17

1. Bám sát các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực pháp luật phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, pháp luật và hội nhập quốc tế..... 17
2. Kế thừa những kết quả đạt được của Đề án tổng thể theo Quyết định số 549/QĐ-TTg, tiếp tục những mục tiêu còn phù hợp, đề xuất những mục tiêu mới và giải pháp thực hiện trong bối cảnh mới 17
3. Xây dựng lộ trình cụ thể, đúng trọng tâm, trọng điểm và định hướng phát triển trong từng giai đoạn với sự đầu tư của Nhà nước và xã hội..... 17
4. Tham khảo kinh nghiệm đào tạo về pháp luật của các nước tiên tiến trên thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam để nâng tầm công tác đào tạo pháp luật đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế..... 18

II. MỤC TIÊU 19

1. Mục tiêu tổng quát..... 19
2. Mục tiêu cụ thể..... 19
 - 2.1 Giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025 19
 - 2.2. Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030 22

Phần thứ ba: NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT..... 25

I. VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO 25

II. VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC..... 27

III. VỀ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT, TƯ VẤN PHÁP LUẬT, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG..... 28

IV. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ..... 29

V. VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ..... 31

VI. VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN 32

Phần thứ tư: KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN 34

I. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN..... 34

II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ..... 35

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 35

Phần thứ năm: CÁC PHỤ LỤC	37
PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ TUYỂN SINH	38
PHỤ LỤC 2: QUY MÔ ĐÀO TẠO.....	40
PHỤ LỤC 3: SỐ LƯỢNG NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP.....	41
PHỤ LỤC 4: QUY MÔ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN	42
PHỤ LỤC 5: KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC	43
PHỤ LỤC 6: KINH PHÍ ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT	44
PHỤ LỤC 7: KINH PHÍ PHÁT TRIỂN NGUỒN HỌC LIỆU	46
PHỤ LỤC 8: KINH PHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	48

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT

I. BỐI CẢNH VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VỀ PHÁP LUẬT Ở NƯỚC TA

1. Bối cảnh đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay

Trong quá trình Việt Nam đẩy mạnh công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế, nhu cầu nguồn nhân lực pháp luật có chất lượng cao, nhu cầu hiểu biết pháp luật của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ pháp luật trong khối các cơ quan nhà nước từ trung ương tới địa phương, đội ngũ cán bộ pháp chế tại các tổ chức, doanh nghiệp, đội ngũ những người hành nghề tư pháp, hỗ trợ tư pháp để đảm bảo các hoạt động trong khuôn khổ pháp luật ngày càng có vai trò quan trọng. Trong bối cảnh đó, hoạt động đào tạo luật có những bước phát triển đáng kể với số lượng các cơ sở đào tạo luật gia tăng nhanh chóng. Từ 09 cơ sở đào tạo luật năm 2005, số lượng cơ sở đào tạo luật lên tới 47 vào năm 2015. Đến năm 2020, số lượng cơ sở đào tạo luật đã tăng gần gấp đôi so với năm 2015, với 93 cơ sở (trong đó, 58 trường công lập và 35 trường tư thục);¹ số cơ sở đào tạo luật trình độ sau đại học tăng gấp 1,5 lần; chương trình đào tạo tăng nhanh từ 48 lên 147 chương trình đào tạo luật; hình thức đào tạo luật ngày càng phong phú, đa dạng (chính quy, vừa làm vừa học, từ xa, liên thông và văn bằng hai).² Hiện nay, hệ thống các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam đã cung cấp cho xã hội hàng chục ngàn cử nhân luật mỗi năm.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc đào tạo nguồn nhân lực pháp luật ở Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Nhiều cơ sở đào tạo chưa đầu tư một cách tương xứng cho việc phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất... Chất lượng đầu vào, chất lượng quản lý đào tạo, chất lượng đầu ra không đồng đều giữa các cơ sở đào tạo luật truyền thống như Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh... với các cơ sở đào tạo mới mở ngành đào tạo luật; sinh viên tốt nghiệp của nhiều cơ sở đào tạo luật chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, cải cách pháp luật và hội nhập quốc tế. Các chương trình đào tạo sau đại học, đặc biệt là trình độ tiến sĩ, chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo luật nước ngoài

¹ Tờ trình số 384-TTr/BCSD ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Đề án “Các giải pháp tăng cường kiểm soát chất lượng đào tạo cử nhân luật”.

² Tờ trình số 384-TTr/BCSD ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Đề án “Các giải pháp tăng cường kiểm soát chất lượng đào tạo cử nhân luật”.

mới chỉ được các cơ sở đào tạo luật có bề dày truyền thống quan tâm, chú trọng (09 cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; 02 cơ sở đào tạo có chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài; 06 cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo chất lượng cao). Có sự cạnh tranh không lành mạnh về nguồn tuyển sinh, có sự chênh lệch lớn về chất lượng tuyển sinh đầu vào, một số cơ sở đào tạo chỉ chú trọng đến nguồn thu học phí mà chưa quan tâm đầu tư thích đáng cho chất lượng đào tạo, chưa chuẩn bị tốt các điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, nguồn học liệu... khi tổ chức tuyển sinh, đào tạo các mã ngành luật, làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật. Bên cạnh đó, ngay cả các cơ sở đào tạo luật có bề dày truyền thống của Việt Nam, so với các cơ sở đào tạo luật uy tín trên thế giới vẫn còn khoảng cách chênh lệch khá lớn về nhiều khía cạnh, cần nhanh chóng thu hẹp để đáp ứng mục tiêu hội nhập.

Bối cảnh nói trên đòi hỏi phải xây dựng được một số cơ sở giáo dục đại học công lập nòng cốt có bề dày truyền thống, uy tín đào tạo, giữ vai trò dẫn dắt công tác đào tạo luật hướng đến mục tiêu đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao mà Nhà nước và xã hội quan tâm; xây dựng thương hiệu quốc gia về đào tạo luật ở Việt Nam, tiệm cận với các tiêu chuẩn về chất lượng của các cơ sở đào tạo luật uy tín trên thế giới.

2. Nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, pháp luật và hội nhập quốc tế

Công cuộc cải cách tư pháp, pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay đặt ra nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực pháp luật, đặc biệt là nguồn nhân lực có chất lượng cao để phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Hầu hết các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội, từ hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật, hoạt động tư pháp đến đào tạo pháp luật, tư vấn, hỗ trợ pháp lý... đều cần đến nguồn nhân lực pháp luật có trình độ để đáp ứng yêu cầu của các hoạt động bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng và củng cố các cơ quan trong bộ máy Nhà nước, trước hết là hệ thống các cơ quan tư pháp, phục vụ hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp, nhu cầu của người dân...

Để đáp ứng yêu cầu trên, nguồn nhân lực pháp luật cần có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; có năng lực chuyên môn tốt, tư duy pháp lý mang tính hệ thống, liên ngành; có khả năng tự học và làm việc độc lập, thích ứng nhanh với những biến động của đời sống xã hội, có trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng bổ trợ khác.

Mặc dù có nhiều cơ sở đào tạo luật nhưng thực tế đội ngũ cán bộ pháp luật còn thiếu về số lượng,³ một bộ phận cán bộ còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ

³ Tính đến cuối năm 2020, số lượng luật sư ở Việt Nam là 15.107, thiếu gần 5.000 người so với Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 05/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020. Đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên, chấp hành viên đều thiếu trầm trọng trong bối cảnh số vụ

và bản lĩnh chính trị, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Trong khi đó, yêu cầu hiện nay là phải xây dựng đội ngũ cán bộ pháp luật, nhất là đội ngũ có chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, trong đó đề cao quyền hạn, trách nhiệm nghề nghiệp, nâng cao tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội. Do vậy, công tác đào tạo luật phải được đổi mới mạnh mẽ, toàn diện trong những năm tới nhằm đáp ứng yêu cầu của Đảng, Nhà nước và xã hội.

Hiện nay, Trường Đại học Luật Hà Nội là cơ sở đào tạo luật có uy tín hàng đầu của Việt Nam, có bề dày lịch sử, là cơ sở đào tạo cung cấp nguồn nhân lực pháp luật lớn nhất trong cả nước, chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao, sinh viên tốt nghiệp của Trường luôn được các đơn vị tuyển dụng đánh giá cao về phẩm chất, kiến thức, kỹ năng so với mặt bằng chung của nhân sự tốt nghiệp ngành luật.

3. Nhu cầu đẩy mạnh nghiên cứu khoa học pháp lý và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, pháp luật và hội nhập quốc tế

Hoạt động nghiên cứu khoa học pháp lý, tư vấn chính sách và phản biện xã hội có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, pháp luật và hội nhập quốc tế. Vai trò của các cơ sở nghiên cứu và các nhà khoa học ngày càng được chú trọng trong việc nghiên cứu, đề xuất tham mưu xây dựng chính sách và pháp luật, nhất là đối với những vấn đề mới hoặc phức tạp phát sinh từ thực tiễn.

Nhiệm vụ đảm bảo tính khoa học, thống nhất, đồng bộ, phù hợp, chi phí tuân thủ pháp luật thấp, có tính hội nhập quốc tế và hiện đại của hệ thống pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Việc truyền bá tư tưởng pháp lý đúng đắn thông qua hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật cũng góp phần quan trọng tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị. Chính vì thế, hoạt động xây dựng pháp luật phải dựa trên cơ sở khoa học là những thành quả của công tác đào tạo kết hợp nghiên cứu khoa học pháp lý. Mỗi văn bản quy phạm pháp luật cần phải có sự tham gia xây dựng của các nhà lập pháp, nhà quản lý, nhà khoa học, nhà hoạt động xã hội, doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân.

Giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình đó là các cơ sở đào tạo luật, nhất là các cơ sở đào tạo lớn như Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, với lợi thế về uy tín, truyền thống và kinh

nghiệm lâu năm; có đội ngũ hùng hậu các nhà khoa học, giảng viên và cán bộ nghiên cứu có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn sâu. Chủ trương xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật, trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý, tư vấn và phản biện chính sách, pháp luật ở Việt Nam là chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước từ khi ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW và được nhất quán tiếp tục triển khai thực hiện.

4. Nhu cầu hội nhập quốc tế để tăng cường chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách tư pháp, pháp luật

Việc đào tạo nguồn nhân lực pháp luật cần phải thích ứng nhanh chóng với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới và các vấn đề pháp lý đương đại. Bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng đặt ra nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật quốc tế, pháp luật nước ngoài; đồng thời đặt ra nhiệm vụ phải đổi mới nội dung chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực luật học phù hợp với xu thế hội nhập, nâng cao trình độ ngoại ngữ của người học và đội ngũ giảng viên.

Trong quá trình hội nhập, nhu cầu tìm hiểu pháp luật và thực tiễn pháp lý ở Việt Nam của các cá nhân, tổ chức nước ngoài nhằm hợp tác, đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam ngày càng cao, đòi hỏi công tác đào tạo, nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý cần đáp ứng kịp thời nhu cầu của xã hội, từng bước quốc tế hoá hoạt động đào tạo. Qua nghiên cứu cho thấy, các cơ sở đào tạo luật của các nước trong khu vực ASEAN như Thái Lan, Indonesia, Malaysia đều có những bước chuyển mạnh mẽ trong việc quốc tế hóa chương trình đào tạo, tăng cường phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế.

Nhu cầu hội nhập quốc tế còn xuất phát từ việc các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam một mặt cần học hỏi kinh nghiệm các cơ sở đào tạo luật nước ngoài về tự chủ đại học và quản trị đại học hiện đại, mặt khác phải cạnh tranh với các cơ sở đào tạo luật trong khu vực và trên thế giới để thu hút người học. Xu hướng hội nhập quốc tế sâu rộng cho thấy có sự giao thoa giữa các truyền thống pháp luật khác nhau, vì thế việc hợp tác, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau giữa các cơ sở đào tạo luật trên thế giới ngày càng trở nên cấp thiết.

Trong quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế, các đối tác nước ngoài có xu hướng lựa chọn các cơ sở đào tạo luật lớn, có uy tín như Trường Đại học Luật Hà Nội để hợp tác phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học pháp lý. Với đội ngũ các nhà khoa học được đào tạo bài bản ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, các nước phát triển như Mỹ, Anh, Úc, Đức, Pháp, Thụy Điển, Nhật Bản... cùng với mạng lưới hợp tác quốc tế của các đối tác đến từ các khu vực khác nhau trên thế giới, Trường Đại học Luật Hà Nội sẵn sàng đáp ứng được các nhu cầu hợp tác quốc tế nêu trên.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 549/QĐ-TTg NGÀY 04/4/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Những kết quả đạt được

Trường Đại học Luật Hà Nội là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tư pháp. Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tư pháp, sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường được thành lập ngày 10/11/1979, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao, nghiên cứu, truyền bá và chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trường Đại học Luật Hà Nội xác định Tầm nhìn đến năm 2030 trở thành *“cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; là trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá khoa học pháp lý hàng đầu của Việt Nam, mang tầm cỡ khu vực Đông Nam Á và quốc tế; giữ vai trò đầu tàu cho hệ thống các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam”*.

Thực hiện Đề án xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật theo Quyết định số 549/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2013 đến nay, Trường đã đạt được nhiều kết quả tích cực như sau:

1.1. Về quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo của Trường đã không ngừng được mở rộng song song với việc tập trung cho chất lượng đào tạo. Đến nay, tổng quy mô đào tạo của Trường là trên 15.000 sinh viên và học viên, nghiên cứu sinh, tăng 11% so với năm 2013, lớn nhất trong các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay. Trong đó, quy mô sinh viên chính quy văn bằng 1 là 9.075, văn bằng 2 là 2.346, hệ vừa làm vừa học là 3.220. Quy mô đào tạo được phát triển theo hướng tăng đào tạo trình độ đại học hệ chính quy văn bằng 1 và văn bằng 2; giảm đào tạo hình thức vừa làm vừa học (Phụ lục 02A); tăng đào tạo chương trình ngành Luật chất lượng cao và chương trình liên kết với nước ngoài (Phụ lục 1B và 1C).

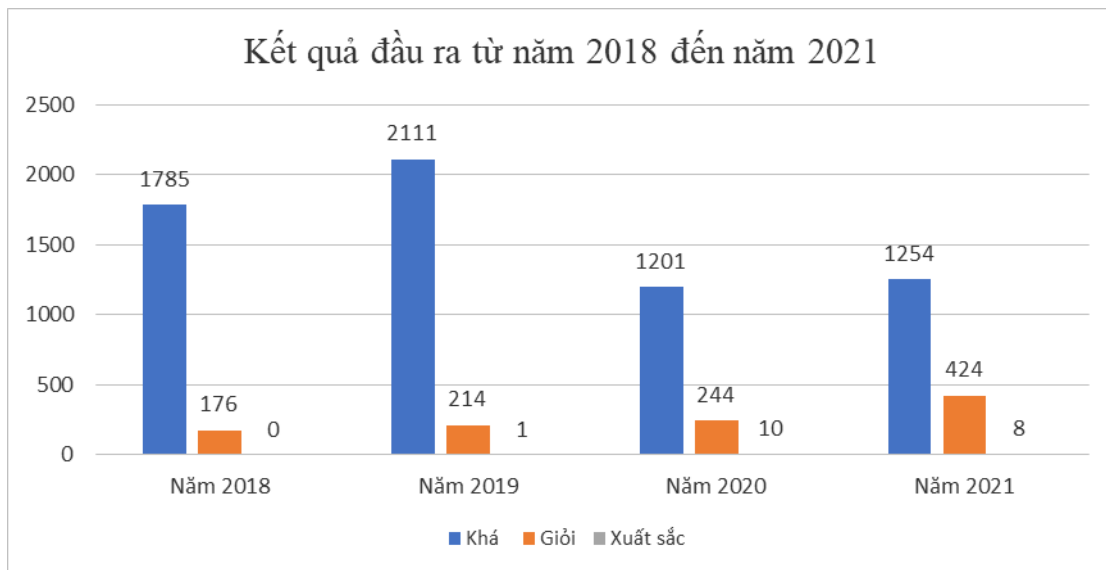
Quy mô đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Trường tiếp tục được mở rộng: quy mô đào tạo thạc sĩ hiện tại là 826 và tiến sĩ là 168; so với năm 2013, kết quả tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2021 tăng 2,4 lần (Phụ lục 1A).

Các hình thức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn để nâng cao kiến thức về pháp luật cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu được chú trọng phát triển; ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật theo đặt hàng của các cơ quan, tổ chức như Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự, các tập đoàn kinh tế, các ngân hàng thương mại... và ở những khu vực khó khăn về nhân lực pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu chuẩn hóa cán bộ phục vụ công cuộc cải cách tư pháp.

1.2. Về chất lượng đào tạo

Nhằm tập trung đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo phục vụ nhu cầu ngày càng cao của xã hội, Trường đã mở mới nhiều mã ngành đào tạo là Luật kinh tế từ năm 2012, Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành tiếng Anh pháp lý) từ năm 2014, thí điểm đào tạo mã ngành Luật thương mại quốc tế từ năm 2011; triển khai chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Luật, chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật cho cán bộ pháp chế các bộ, ngành, ủy ban nhân dân và doanh nghiệp nhà nước, các chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng; đặc biệt đã xây dựng và triển khai chương trình liên kết đào tạo cử nhân ngành Luật với Đại học Arizona, Hoa Kỳ. Các chương trình đào tạo của Trường thường xuyên được đánh giá, rà soát, cập nhật và chỉnh sửa để phù hợp với nhu cầu của xã hội, đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Chất lượng đào tạo của Trường được cải thiện theo từng năm, thể hiện ở các thành tố là chất lượng tuyển sinh đầu vào, chất lượng quá trình đào tạo, chất lượng đầu ra. Số lượng nguyện vọng đăng ký tuyển sinh vào Trường luôn ở mức cao, điểm trúng tuyển thuộc nhóm trường hàng đầu (năm 2019 điểm trúng tuyển cao nhất là 27,25 điểm, năm 2020 là 29,00 điểm và năm 2021 là 29,25 điểm). Bên cạnh đó, kết quả đầu ra cũng phản ánh chất lượng đào tạo của Trường ổn định và luôn được cải tiến với tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp xếp hạng Khá, Giỏi, Xuất sắc cao, được các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động đánh giá cao.



Chất lượng quá trình đào tạo thể hiện ở chất lượng chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, hệ thống học liệu và cơ sở vật chất khác phục vụ đào tạo. Để nâng cao chất lượng đào tạo mũi nhọn, Trường đã tập trung đầu tư thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết với Đại học Arizona, Hoa Kỳ với nhiều đổi mới về chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo. Kết quả kiểm tra, đánh giá cho thấy: các sinh viên tham gia các chương trình này có kết quả học tập đạt loại Khá, Giỏi, Xuất sắc rất cao và có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế (đạt trình độ 4/6 - 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên).

Đối với các chương trình đào tạo khác, Nhà trường không ngừng cải tiến mọi mặt, nâng cao chất lượng, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra, có trình độ ngoại ngữ 4 kỹ năng theo quy định đối với các ngành và chương trình đào tạo.

Chất lượng đội ngũ giảng viên, hệ thống học liệu và cơ sở vật chất khác phục vụ đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội luôn được đánh giá là hàng đầu trong số các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam. Chất lượng đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội đã được khẳng định qua 2 lần kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học (năm 2009 và năm 2018) và Trường đã được cấp Giấy chứng nhận đạt chất lượng kiểm định cơ sở giáo dục đại học.

1.3. Về nghiên cứu khoa học

Từ năm 2013 đến nay, hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường đã được chú trọng hướng tới các mục tiêu của Đề án xây dựng trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Trường dần thể hiện vai trò dẫn dắt về lĩnh vực nghiên cứu khoa học pháp lý trong hệ thống các cơ sở đào tạo luật, có tính lan tỏa trong xã hội, với nhiều kết quả nghiên cứu trực tiếp phục vụ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật và hội nhập quốc tế.

Trường thực hiện và nghiệm thu 212 đề tài cấp cơ sở, 25 đề tài cấp Bộ và 03 đề tài, đề án cấp Nhà nước; tổ chức 330 hội thảo và tọa đàm các cấp, trong đó có 25 hội thảo quốc tế; công bố 08 bài báo ISI/SCOPUS, 22 bài báo đăng tạp chí nước ngoài có ISSN và phản biện độc lập, 11 chương sách bằng tiếng nước ngoài được xuất bản bởi các nhà xuất bản nước ngoài có uy tín; gần 300 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí có tính điểm của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước mỗi năm.

Trường được Nhà nước, các Bộ, ngành và địa phương đặt hàng cũng như được giao một số nhiệm vụ khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, góp phần xây dựng chính sách và pháp luật. Việc hợp tác nghiên cứu khoa học với các tổ chức khoa học, cơ quan nhà nước, các hiệp hội được đẩy mạnh và hiệu quả. Nhiều nhà khoa học là giảng viên của Trường đã và đang tham gia góp ý các văn kiện của Đảng; tham gia xây dựng, góp ý dự thảo các văn bản luật quan trọng như Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Lao động... Trường đã thành lập 10 nhóm nghiên cứu tập trung vào các lĩnh vực pháp lý chuyên sâu; có chính sách khuyến khích để tham gia các đề tài, đề án cấp Bộ, cấp Nhà nước và có sản phẩm công bố quốc tế. Song song với đó, Trường quan tâm, chú trọng đào tạo bồi dưỡng, phát triển thế hệ các nhà khoa học trẻ. Phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên phát triển mạnh với vài trăm đề tài mỗi năm, trong đó có nhiều đề tài đạt giải cấp quốc gia.

1.4. Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng

Là một trong ba trụ cột hoạt động của Trường ngay từ khi thành lập, Trường luôn chú trọng công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật dưới nhiều

hình thức đa dạng, phong phú như thông qua hoạt động đào tạo pháp luật; tư vấn pháp luật, tư vấn và phản biện chính sách, trợ giúp pháp lý; đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, tập huấn, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trong các lĩnh vực pháp luật khác nhau ở trong nước và quốc tế với đối tượng tham gia đa dạng, các cuộc thi tranh tụng, sáng tác tiểu phẩm tuyên truyền pháp luật...

Trung tâm Tư vấn pháp luật hoạt động hiệu quả, hằng năm tiến hành tư vấn hàng trăm vụ việc cho khách hàng là các tổ chức và cá nhân, trong đó tỷ lệ trợ giúp pháp lý và tư vấn miễn phí chiếm 20% số vụ nhằm trợ giúp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của họ; góp phần phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội. Trường tổ chức các khóa tập huấn cho các tổ chức, doanh nghiệp khi có văn bản luật mới ban hành như Hiến pháp, Bộ luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư... qua đó góp phần tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật của Nhà nước.

Hằng năm, Trường tổ chức nhiều phiên tòa giả định, phối hợp với tòa án tổ chức những phiên tòa lưu động tại Trường. Trong các hoạt động tình nguyện của sinh viên tại các địa phương vùng sâu, vùng xa, tại cộng đồng đều có nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân... Trường đã được nhiều địa phương như Hà Giang, Sơn La, Lào Cai tặng bằng khen vì thành tích tuyên truyền phổ biến pháp luật cho cộng đồng.

1.5. Về cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân lực

Từ năm 2013 và đặc biệt là sau khi Luật Giáo dục đại học được sửa đổi năm 2018, tổ chức bộ máy của Trường dần được kiện toàn phù hợp với yêu cầu của Luật Giáo dục đại học và các văn bản pháp luật có liên quan; từng bước đáp ứng yêu cầu thực hiện Đề án xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Từ năm 2019, Hội đồng trường đã được thành lập theo đúng quy định, thực hiện chức năng của tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan; góp phần quan trọng thực hiện tự chủ đại học gắn với trách nhiệm giải trình theo đúng chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Cơ cấu tổ chức các đơn vị được bố trí hợp lý, tinh gọn với 26 đơn vị thuộc/trực thuộc Trường; Phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk được Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập và cho phép hoạt động đào tạo từ năm 2019 với mục tiêu trở thành cơ sở giáo dục trọng điểm về pháp luật cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Mô hình quản trị đại học hiện đại dần được hoàn thiện theo yêu cầu của tình hình mới.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng theo đúng tinh thần của Quyết định số 549/QĐ-TTg. Trường có đội ngũ giảng viên cơ hữu lớn nhất trong số các cơ sở đào tạo luật hiện nay, có khả năng đảm nhận giảng dạy toàn bộ các chương trình đào tạo. Đến nay, số lượng giảng viên cơ hữu của Trường là 318 giảng viên (gồm có 03 giáo sư, 37 phó giáo sư, 92 tiến sĩ, 182 thạc sĩ, 04 cử nhân). So với năm 2013 (có 273 giảng viên cơ hữu, trong đó có 02 giáo sư, 15 phó giáo sư, 73 tiến sĩ, 109 thạc sĩ, 74 cử nhân) thì số

lượng giảng viên đã tăng 16%. Đến năm 2020, 98,7% giảng viên của Trường có trình độ sau đại học và 42% giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và giảng viên chính; số lượng giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ tăng gấp 2 lần so với năm 2013. Trường có 53 giảng viên có thể giảng dạy bằng tiếng nước ngoài, chủ yếu là tiếng Anh đối với chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế và chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật chất lượng cao.

Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng các bậc, hệ, chương trình đào tạo được chú trọng phát triển với gần 300 người là các thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên, luật sư, công chứng viên, chấp hành viên, chuyên gia pháp luật, các luật sư nước ngoài đang hành nghề tại Việt Nam, cán bộ quản lý đang công tác tại các cơ quan tư pháp, các cơ quan đơn vị hành chính - sự nghiệp và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành cho sinh viên; bước đầu thu hút, trao đổi một số chuyên gia quốc tế đến làm việc tại Trường.

1.6. Về hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế

Về hợp tác trong nước, Trường đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở đào tạo trong nước thông qua việc ký kết thỏa thuận để phối hợp trong việc phát triển nội dung các chương trình đào tạo, hợp tác nghiên cứu khoa học; chia sẻ một số giáo trình, tài liệu học tập và nguồn học liệu từ thư viện điện tử, trao đổi giảng viên, sinh viên... Trường đã ký 04 thỏa thuận hợp tác với các cơ sở đào tạo luật trong nước, 01 thỏa thuận hợp tác với Viện Khoa học pháp lý (Bộ Tư pháp), 01 thỏa thuận với Quỹ Hoà bình và Phát triển Việt Nam, nhiều thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp,... Trường đã đào tạo nhiều giảng viên có trình độ cao và cung cấp giáo trình, nguồn học liệu cho các cơ sở đào tạo luật khác trên cả nước. Năm 2019, Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam được thành lập theo sáng kiến của Trường Đại học Luật Hà Nội và hiện nay Trường đang đảm nhận vị trí Trưởng ban điều hành Mạng lưới.

Về hợp tác quốc tế, Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác với 34 cơ sở đào tạo, nghiên cứu và tổ chức khác của các nước trên thế giới. Từ năm 2013 đến năm 2020, Trường đã ký kết, triển khai 19 thỏa thuận hợp tác/bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác nước ngoài, trong đó có những hoạt động hợp tác thường niên được tổ chức, để lại những dấu ấn tích cực. Trung tâm Pháp luật Đức và Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu pháp luật Nhật Bản tại Trường những năm qua đã đóng góp tích cực và hiệu quả trong việc kết nối, tổ chức các sự kiện khoa học, đào tạo ngoại ngữ và các hoạt động hợp tác khác. Trường có những nỗ lực đáng kể để quốc tế hóa chương trình đào tạo của Trường thông qua việc thực hiện chương trình liên kết đào tạo với Đại học Arizona (Hoa Kỳ), đưa vào chương trình giảng dạy tối thiểu ở mức 20% các môn học bằng tiếng Anh đối với chương trình cử nhân ngành Luật chất lượng cao, nhiều môn trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật thương mại quốc tế; triển khai một số khóa học ngắn hạn bằng tiếng Anh dành cho sinh viên nước ngoài... Trường cũng triển khai chương trình trao đổi sinh viên với các đối tác nước ngoài theo học kỳ, khóa học hoặc kỳ nghiên cứu ngắn hạn và thực hiện công nhận tín chỉ của nhau.

1.7. Về cơ sở vật chất

Với sự hỗ trợ của Nhà nước, cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy tiếp tục được quan tâm, tập trung đầu tư, nâng cấp.

Dự án xây dựng cơ sở 2 của Trường tại thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh được Nhà nước đầu tư từ năm 2016 với quy mô gần 28 ha, đáp ứng nhu cầu đào tạo cho 10.800 sinh viên, tổng dự toán 1798,3 tỷ đồng theo hướng kang trang, hiện đại; đến nay Dự án đã gần hoàn thành giai đoạn 1, đã giải ngân đến hết năm 2020 là 518,4/907 tỷ đồng. Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc tại Trụ sở chính số 87 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội tiếp tục được đầu tư nâng cấp, cải tạo, đáp ứng được nhu cầu dạy và học, nghiên cứu khoa học. Phân hiệu được thành lập năm 2019 trên cơ sở tiếp nhận toàn bộ cơ sở vật chất được đầu tư trên tổng diện tích hơn 9,3 ha tại thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk, cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo của giai đoạn ban đầu thành lập.

Trường có hệ thống giáo trình, nguồn học liệu về luật học phong phú, đa dạng, là một trong những cơ sở có nguồn học liệu về luật đầy đủ nhất, được người học của các cơ sở đào tạo luật trong cả nước khai thác, sử dụng. Trường đã tổ chức biên soạn và đưa vào sử dụng hệ thống giáo trình đại học của toàn bộ các môn học bắt buộc và một số môn học tự chọn với hơn 60 đầu giáo trình. Trong giai đoạn 2013 - 2020, Trường đã biên soạn mới 14 giáo trình, tái bản 214 lượt giáo trình, đã xuất bản hàng chục tài liệu dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt. Hệ thống quản lý thư viện tích hợp thư viện điện tử, thư viện số KIPOS triển khai xây dựng thư viện số từ năm 2017, đã số hóa và đưa ra phục vụ 9.004 đầu tài liệu, gồm giáo trình, luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học, sách tham khảo, chuyên khảo, Tạp chí Luật học, tài liệu truy cập mở. Từ năm 2013 đến năm 2020, Thư viện Trường đã bổ sung, thu thập 6.211 đầu tài liệu (54.153 cuốn sách các loại); duy trì quyền truy cập cơ sở dữ liệu trực tuyến Heinonline, Westlaw. Trường cũng đã mở rộng hợp tác, kết nối thư viện với nhiều cơ sở đào tạo luật.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đã đạt được, so với yêu cầu, mục tiêu của Quyết định số 549/QĐ-TTg, Trường vẫn còn một số tồn tại, hạn chế trong hoạt động như sau:

- Về quy mô đào tạo: Do tập trung cho chất lượng đào tạo theo hướng đi vào chiều sâu nên quy mô đào tạo của Trường chưa đạt mục tiêu đã xác định trong Quyết định số 549/QĐ-TTg. Chất lượng đào tạo của Trường mặc dù đảm bảo và có nhiều cải thiện tích cực so với trước năm 2013 nhưng vẫn chưa thực sự có chuyển biến mạnh, mang tính đột phá theo yêu cầu của cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; việc mở thêm một số mã ngành/chuyên ngành mới vẫn chưa đạt yêu cầu theo Quyết định số 549/QĐ-TTg.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường có chuyển biến mạnh, bước

đầu đã phát huy được tầm ảnh hưởng trong Mạng lưới cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam và tạo uy tín, sự tin tưởng với các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, việc đưa kết quả nghiên cứu khoa học vào ứng dụng, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng và phản biện chính sách, pháp luật vẫn còn hạn chế; tiềm năng nghiên cứu khoa học của Trường chưa được khai thác tối đa; số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước và cấp Bộ, bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế chưa tương xứng với năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, sinh viên của Trường.

- Hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng chưa tương xứng với tiềm năng của đội ngũ, chưa được coi trọng để thực sự trở thành trụ cột thứ 3 trong hoạt động của Trường.

- Việc phát triển quy mô đội ngũ giảng viên bị hạn chế do chính sách tinh giản biên chế; số lượng giảng viên còn thiếu so với yêu cầu của Quyết định số 549/QĐ-TTg và so với nhu cầu để mở rộng quy mô đào tạo của Trường. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường có thể giảng dạy bằng tiếng nước ngoài còn khiêm tốn (53 giảng viên có thể dạy bằng tiếng nước ngoài, đạt tỷ lệ khoảng 20%).

- Hợp tác đào tạo luật giữa các cơ sở trong nước và hợp tác quốc tế còn chưa phát huy hết tiềm năng, chưa phát triển về chiều sâu đối với các đối tác truyền thống. Trường chưa thực sự trở thành “điểm đến” của các nhà khoa học, của sinh viên quốc tế và khu vực.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập vẫn còn khiêm tốn, chưa tương xứng với một cơ sở hàng đầu của cả nước về đào tạo cán bộ pháp luật. Việc thực hiện dự án đầu tư Cơ sở 2 của Trường Đại học Luật Hà Nội còn chậm, không theo kịp với tiến độ của Đề án 549/QĐ-TTg.

2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

- Sự thay đổi trong chủ trương, chính sách pháp luật về tự chủ đại học, tinh gọn tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế được quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/11/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, sửa đổi năm 2018...

- Bối cảnh cạnh tranh trong đào tạo luật trong cả nước thời gian qua với 93

cơ sở đào tạo luật thực hiện cơ chế tuyển sinh linh hoạt, đầu vào không đồng đều, tạo áp lực rất lớn cho Trường về tăng quy mô, trong khi đó Trường kiên trì với mục tiêu đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, mục tiêu mở rộng quy mô đào tạo như Quyết định số 549/QĐ-TTg đã xác định chưa thực hiện được như kỳ vọng.

- Chế độ chính sách đối với đội ngũ giảng viên còn hạn chế nên việc thu hút những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc hoặc các giảng viên giỏi về Trường để thực hiện công tác giảng dạy còn hạn chế.

- Chính sách, quy định về nghiên cứu khoa học đối với các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế, chưa được quan tâm đầu tư kinh phí đúng mức, dẫn đến việc triển khai gặp nhiều khó khăn, phần lớn kinh phí nghiên cứu từ nguồn ngân sách nhà nước. Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học chưa đạt tỷ lệ so với chỉ tiêu tại Quyết định số 549/QĐ-TTg.

- Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 của Trường là dự án có tổng mức đầu tư lớn, thủ tục đầu tư xây dựng phức tạp ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện. Từ đó, ảnh hưởng đến nhiệm vụ phát triển cơ sở hạ tầng và tăng năng lực, quy mô đào tạo.

- Đại dịch Covid-19 với những diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống kinh tế-xã hội toàn cầu và Việt Nam, trong đó có tác động tiêu cực đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo nói chung, đào tạo luật nói riêng.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Trong quá trình triển khai Quyết định số 549/QĐ-TTg từ năm 2013 đến nay, Trường Đại học Luật Hà Nội còn lúng túng, thiếu chủ động thiết lập hợp tác chặt chẽ với Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh để cùng thực hiện kế hoạch triển khai Đề án. Trường chưa kịp thời đề xuất để nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ tích cực, kịp thời của Bộ chủ quản và Bộ, ngành liên quan để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Đề án.

- Một bộ phận giảng viên của Trường còn chưa kịp thời, quyết tâm đổi mới, nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực hội nhập trong đào tạo, nghiên cứu khoa học; kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên còn chưa tương xứng với tiềm năng, nhất là công bố quốc tế.

- Trường chưa chủ động đa dạng hoá nguồn thu; nguồn thu của Trường vẫn chủ yếu từ nguồn thu học phí, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ còn hạn chế. Mặc dù Trường đã tự chủ chi thường xuyên từ năm 2019 nhưng mức thu học phí vẫn theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP với mức thu như cơ sở giáo dục đào tạo chưa bảo đảm chi thường xuyên.

- Cơ chế hợp tác trong và ngoài nước chưa được đổi mới theo hướng tích cực, chủ động, tự chủ, chưa đưa hoạt động hợp tác đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả trên cơ sở khai thác tiềm năng và thế mạnh mỗi bên, chưa đa dạng hóa các hình thức hợp tác.

III. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ CỦA VIỆC TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT

1. Cơ sở chính trị

1.1. Về xây dựng, phát triển nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao phục vụ mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, pháp luật và hội nhập quốc tế

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định: “*Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh là một trong những nhiệm vụ cải cách tư pháp đến năm 2020... Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất, đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa*”. Đội ngũ cán bộ pháp luật giữ vai trò nòng cốt trong việc thực hiện mục tiêu hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam theo Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

Năm 2018, Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, theo đó xác định: “*Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng về hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững*”.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định nhiệm vụ quan trọng về xây dựng, phát triển hệ thống pháp luật, trong đó có phát triển nguồn nhân lực với các nhiệm vụ: “*Hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật*”; “*Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*” là một trong 3 đột phá chiến lược nhằm thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030... Văn kiện cũng khẳng định nhiệm vụ: “*Hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với*

những điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ am hiểu sâu về luật pháp quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, trước hết là cán bộ trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế”.

Những định hướng trên hoàn toàn phù hợp với nhiệm vụ tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật như Nghị quyết số 49-NQ/TW và Kết luận của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW với chủ trương xây dựng Đề án mới, tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Cụ thể:

Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW đã chỉ rõ một trong những nhiệm vụ quan trọng về công tác cán bộ là: *“Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển chọn, bổ nhiệm các chức danh tư pháp, cán bộ làm việc trong các cơ quan tư pháp; xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực tư pháp, hỗ trợ tư pháp”; “Quan tâm xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành về tư pháp, hỗ trợ tư pháp. Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ tư pháp, luật sư đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật quốc tế để tham gia giải quyết các vụ việc tranh chấp có yếu tố nước ngoài, bảo vệ hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế”.*

Ngày 12/5/2021, Ban Nội chính Trung ương đã ban hành Thông báo số 22-TB/BNCTW thông báo Kết luận của đồng chí Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương tại Phiên họp thứ 12 của Ban Chỉ đạo, trong đó có nội dung: *“Đối với Đề án tổng thể “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”: Tán thành việc tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Do thời gian thực hiện của Đề án chỉ đến năm 2020 nên cùng với việc tiếp tục thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ mà Đề án đặt ra nhưng chưa thực hiện được, Bộ Tư pháp cần phối hợp với các bộ, ngành liên quan khẩn trương xây dựng Đề án mới trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt nhằm tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật... Bộ Tư pháp và Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương có cơ chế hỗ trợ về mặt bằng xây dựng trụ sở, ưu tiên nguồn vốn đầu tư cho đào tạo và có chính sách cho phép hai Trường được linh hoạt trong việc thu học phí”.*

Công văn số 7427/VPCP-PL ngày 13/10/2021 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh xác định: *“Giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng đề án mới nhằm tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt trong Quý IV năm 2021”.*

1.2. Về chủ trương đổi mới giáo dục đào tạo và tổ chức, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

Về đổi mới giáo dục đại học, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã xác định chủ trương đổi mới giáo dục đại học: *“Tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế”*. Đây là định hướng quan trọng cho việc đổi mới toàn diện hệ thống các cơ sở đào tạo và công tác giáo dục, đào tạo đại học ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Về đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã đặt ra mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giữ vai trò chủ đạo, then chốt trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao: *“Đối với giáo dục đại học: ... Nhà nước tập trung đầu tư chiều sâu, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực chất lượng cao đối với các trường đại học công lập ở một số lĩnh vực mang tầm cỡ khu vực và quốc tế”*.

Việc tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật theo Nghị quyết số 49-NQ/TW và Quyết định số 549/QĐ-TTg hoàn toàn phù hợp với những quan điểm, định hướng nêu trên.

1.3. Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới

Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới đã xác định nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên cơ sở quán triệt sâu sắc, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam; giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội và niềm tin của nhân dân với Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong tình hình mới; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Việc tập trung xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội, cơ sở đào tạo công lập có bề dày truyền thống, uy tín trong đào tạo, nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật sẽ góp phần thực hiện nhiệm vụ quan trọng trên.

2. Cơ sở pháp lý

Việc xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật phải căn cứ vào Luật Giáo dục đại học và các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của cơ sở giáo dục đại học và đơn vị sự nghiệp công lập.

Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học đã quy định quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học, theo đó cơ sở giáo dục đại học tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở giáo dục đại học. Trong đó, chính sách của Nhà nước là: *“Phát triển giáo dục đại học để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước... Ưu tiên đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo mang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao; phát triển một số ngành đặc thù, cơ sở giáo dục đại học có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ phát triển vùng của đất nước... Thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp để nâng cao chất lượng giảng viên; chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ, giáo sư đầu ngành trong cơ sở giáo dục đại học... Khuyến khích, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế nhằm phát triển giáo dục đại học Việt Nam ngang tầm khu vực và thế giới”*.⁴

Bên cạnh các quy định trên, tổ chức và hoạt động của Trường còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập, các quy định về quản lý, sử dụng viên chức, quản lý tài chính, tài sản, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác như Luật Viên chức (sửa đổi), Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 15/8/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Do hoạt động trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, phổ biến pháp luật, một số văn bản pháp luật điều chỉnh hoặc có tác động đến hoạt động của Trường như Luật Khoa học và Công nghệ; Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật Trợ giúp pháp lý; Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về Tư vấn pháp luật...

Các chủ trương, văn bản trên đây là cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng về định hướng, nội dung xây dựng Đề án *“Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”*.

⁴ Điều 12 Luật Giáo dục đại học, được sửa đổi, bổ sung năm 2018.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT

I. QUAN ĐIỂM

1. Bám sát các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực pháp luật phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, pháp luật và hội nhập quốc tế

Việc xây dựng và thực hiện Đề án “*Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật*” phải đảm bảo bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, pháp luật và hội nhập quốc tế; về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc xây dựng và thực hiện Đề án cần phải đảm bảo tuân thủ các quy định chung của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập nói chung, với các cơ sở giáo dục đại học nói riêng; phải vận dụng các cơ chế, nguồn lực hiện có được quy định trong các văn bản của các cấp có thẩm quyền, đồng thời nghiên cứu vận dụng các chính sách, xác định cơ chế đặc thù, áp dụng thí điểm để tạo điều kiện thuận lợi cho Trường có thể bứt phá về quy mô và chất lượng, trở thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước giao phó.

2. Kế thừa những kết quả đạt được của Đề án tổng thể theo Quyết định số 549/QĐ-TTg, tiếp tục những mục tiêu còn phù hợp, đề xuất những mục tiêu mới và giải pháp thực hiện trong bối cảnh mới

Việc xây dựng các mục tiêu và giải pháp của Đề án mới cần dựa trên việc đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ những kết quả có giá trị kế thừa của những mục tiêu trong Quyết định số 549/QĐ-TTg. Đồng thời, xây dựng Đề án mới phải dựa trên việc đánh giá đầy đủ những điểm chưa phù hợp, khó khả thi của những mục tiêu, nhiệm vụ trong Quyết định số 549/QĐ-TTg làm cơ sở để điều chỉnh mục tiêu sát thực hơn, có tính khả thi trong điều kiện, tình hình mới. Những giải pháp phải có tính sáng tạo, đột phá và cân tính toán đầy đủ các điều kiện đảm bảo thực hiện trên thực tế, đặc biệt là vấn đề con người, các yếu tố hội nhập quốc tế và chuyển đổi số cần được ứng dụng triệt để.

3. Xây dựng lộ trình cụ thể, đúng trọng tâm, trọng điểm và định hướng phát triển trong từng giai đoạn với sự đầu tư của Nhà nước và xã hội

Quan điểm xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trung tâm về đào tạo, nghiên cứu khoa học và truyền bá tư tưởng pháp lý đã có từ những ngày đầu

thành lập Trường (từ năm 1979) đến nay.⁵ Chủ trương xây dựng Trường thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật chính là sự kế thừa, tiếp nối quan điểm trên và phát triển những nhiệm vụ hiện nay của Nhà trường ở quy mô, tầm vóc cao hơn. Yếu tố then chốt quyết định thành công là phải xây dựng được những mục tiêu cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện hiện tại và tiềm năng phát triển của Nhà trường trong tương lai, phù hợp với những tiêu chí của trường trọng điểm. Các mục tiêu định hướng cho việc xác định rõ nhiệm vụ phát triển trên từng mặt hoạt động và trong từng giai đoạn, trên cơ sở đó đề ra những giải pháp hữu hiệu để huy động và tranh thủ tối đa mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước cho sự đầu tư phát triển của Nhà trường.

4. Tham khảo kinh nghiệm đào tạo về pháp luật của các nước tiên tiến trên thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam để nâng tầm công tác đào tạo pháp luật đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế

Mô hình đào tạo luật của các nước trên thế giới rất đa dạng và thường có sự khác biệt về phương thức tổ chức, chương trình, phương pháp đào tạo. Tuy nhiên, bên cạnh những khác biệt, mô hình đào tạo luật của các nước có những đặc điểm chung sau đây: *Thứ nhất*, ở các nước tiên tiến, nghề luật được xã hội coi trọng, có nhu cầu lớn và những người học luật có cơ hội nghề nghiệp tốt, nhiều lãnh đạo cấp cao của các quốc gia là người được đào tạo luật.⁶ *Thứ hai*, đào tạo luật là lĩnh vực khó và phức tạp, do vậy đối tượng người học được chọn lựa rất kỹ với những yêu cầu cao hơn so với nhiều ngành khác; quy trình đào tạo luật thường chặt chẽ, khắt khe với đòi hỏi cao hơn về chất lượng.⁷ *Thứ ba*, mỗi quốc gia có nhiều cơ sở đào tạo luật nhưng chỉ có một số cơ sở uy tín nhất theo kết quả xếp hạng hằng năm, trong đó có các tiêu chí như đội ngũ giảng viên cơ hữu, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, chất lượng đào tạo⁸... *Thứ tư*, tự chủ đại học được áp dụng ở nhiều mức độ khác nhau nhưng cơ sở đào tạo luật thường được chủ động sử dụng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng từ các trường đại học khác, các cơ quan thực tiễn hoặc các chuyên gia quốc tế, các chính khách... nhằm khai thác tối đa chất xám; chương trình đào tạo luật hiện đại, gắn với nhu cầu xã hội, nội dung chương trình linh hoạt, đa dạng và thường xuyên được cập nhật, chú trọng tính liên thông và liên ngành, tài liệu tham khảo đa dạng, các phương pháp dạy và học tích cực lấy người học làm trung tâm... *Thứ năm*, hầu hết các cơ sở đào tạo luật lớn của các nước cũng đồng thời là các trung tâm nghiên cứu, trung tâm tư vấn chính sách và phản biện có uy tín trong lĩnh vực pháp luật.⁹ *Thứ sáu*, trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, công tác đào tạo luật ở nhiều nước trên thế giới cũng đang được cải tổ để thích ứng với sự thay đổi của tình hình trong nước và quốc tế.

⁵ Trong lời phát biểu của Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng tại lễ khai giảng đầu tiên của Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội).

⁶ Tổng thống Liên bang Nga V. Putin, Cựu Tổng thống Hoa Kỳ B. Clinton, B. Obama, Cố Chủ tịch Cuba F. Castro...

⁷ Ở Hoa Kỳ chỉ có người đã có một bằng đại học mới được học luật; ở Anh, các trường luật thường tuyển những người đạt toàn điểm A tốt nghiệp phổ thông. Điểm tuyển sinh học ngành luật thường rất cao ở các nước.

⁸ Xem: <https://www.usnews.com/best-graduate-schools/top-law-schools/law-rankings> (Hoa Kỳ);

<https://www.timeshighereducation.com/student/best-universities/best-universities-uk-law-degrees> (Anh);

<https://www.timeshighereducation.com/student/best-universities/best-universities-law-degrees-australia> (Úc)...

⁹ Đi đầu trong lĩnh vực này là Trường Luật, Đại học Harvard (Hoa Kỳ); Trường Luật, Đại học Quốc gia Úc...

Kinh nghiệm quốc tế trên đây sẽ là những tham khảo hữu ích trong việc xây dựng và phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Tuy nhiên, việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế phải có chọn lọc, những kinh nghiệm được lựa chọn không chỉ hữu ích, mà còn phải phù hợp với điều kiện của Việt Nam để có thể triển khai trên thực tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, phát triển Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm quốc gia đào tạo cán bộ về pháp luật; trung tâm nghiên cứu và truyền bá pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vai trò dẫn dắt trong hệ thống các cơ sở đào tạo luật của cả nước, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.

Nhà nước tiếp tục tập trung nguồn lực xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật, có đội ngũ cán bộ, giảng viên vững mạnh; hệ thống chương trình, phương pháp đào tạo tiên tiến; cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, cơ sở thực hành và thư viện, trung tâm học liệu hiện đại; có mô hình quản trị tiên tiến trên nền tảng ứng dụng mạnh công nghệ thông tin và chuyển đổi số; tạo chuyển biến mạnh về quy mô, chất lượng đào tạo pháp luật, nghiên cứu khoa học pháp lý chất lượng cao và có tầm ảnh hưởng; cung cấp nguồn nhân lực pháp luật có chất lượng cao cho các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp và toàn xã hội nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025

2.1.1. Về đào tạo

Tiếp tục duy trì vị thế là cơ sở hàng đầu Việt Nam về đào tạo nguồn nhân lực pháp luật; tạo chuyển biến mạnh về chất lượng đào tạo, đảm bảo các tiêu chí về đánh giá chất lượng đào tạo, tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực. Quy mô đào tạo hệ chính quy văn bằng 1, văn bằng 2, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường tăng 10%/năm, đạt khoảng 19.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh vào năm 2025; trong đó, 16.000 sinh viên, học viên chính quy; khoảng 3.000 học viên hệ vừa làm vừa học. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên đến năm 2025 không quá 25. Mỗi năm cung cấp ổn định khoảng 4.000 cử nhân đào tạo hệ chính quy, thạc sĩ và tiến sĩ luật, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực pháp luật phục vụ mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

2.1.2. Về nghiên cứu khoa học

Tiếp tục duy trì vị thế cơ sở đào tạo luật hàng đầu mang tính dẫn dắt trong hệ thống cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học pháp lý gắn với nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện thể chế nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc

tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chú trọng nghiên cứu cơ bản có chiều sâu, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng; tăng cường chất lượng, số lượng các sản phẩm khoa học và công bố quốc tế; phát triển các nhóm nghiên cứu; nâng cao khả năng tự chủ, hợp tác trong nước và quốc tế về hoạt động khoa học và công nghệ. Đến năm 2025, 100% giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, 75% giảng viên có trình độ tiến sĩ chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài, đề án khoa học công nghệ các cấp; công bố ít nhất 50 bài báo trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới; bình quân mỗi năm trong giai đoạn thực hiện 06 đề tài cấp cấp quốc gia hoặc cấp Bộ, cấp tỉnh; có ít nhất 01 - 02 nghiên cứu hợp tác với các đối tác quốc tế; tổ chức bình quân 03 hội thảo quốc gia, quốc tế; xuất bản khoảng 10 sách chuyên khảo.

2.1.3. Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng

Tiếp tục duy trì là cơ sở đào tạo luật có uy tín trong công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng; đa dạng hóa hình thức, địa bàn, đối tượng; tăng số lượng và nâng cao chất lượng phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng, đáp ứng nhu cầu xã hội. Tăng cường mạnh hoạt động đào tạo ngắn hạn và tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý. Hằng năm, số vụ việc tư vấn cho khách hàng tăng trung bình khoảng 15%, trong đó có từ 20% đến 30% là các vụ việc tư vấn miễn phí cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật. Đến năm 2025, số vụ việc tư vấn cho khách hàng ở các lĩnh vực pháp luật tối thiểu là 300 vụ việc/năm.

Tổ chức định kỳ các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật miễn phí cho các đối tượng khác nhau, mỗi năm có khoảng 20 chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật dưới các hình thức khác nhau.

2.1.4. Về nhân lực và tổ chức bộ máy

- Xác định vị trí, vai trò của Trường Đại học Luật Hà Nội tương xứng với nhiệm vụ thực hiện Đề án xây dựng Trường thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội và cho Trường được hưởng các chế độ, chính sách, quy chế đối với các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm theo quy định. Tổ chức bộ máy của Trường tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với mô hình tự chủ và quản trị đại học hiện đại; từng bước chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động.

- Đội ngũ giảng viên có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn và hội nhập quốc tế: Đến năm 2025, đội ngũ giảng viên cơ hữu khoảng 450 người; trong đó tối thiểu 40% có trình độ tiến sĩ, khoảng 25 - 30% giảng viên có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 30% giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu, trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài.

- Đội ngũ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất, năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực chuyên môn, hội nhập quốc tế từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Trường thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật; ít nhất 70% lãnh đạo cấp phòng trở lên có thể sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp, làm việc với các đối tác nước ngoài; 50% đội ngũ viên chức có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp.

- Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đông đảo, có chất lượng là các nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn có uy tín, trình độ, kinh nghiệm là người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài; các thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên, luật sư, chuyên gia pháp luật đang công tác tại cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính - sự nghiệp, doanh nghiệp hoặc các tổ chức hành nghề luật...; tăng cường trao đổi giảng viên giữa các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước, nhất là giữa Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đội ngũ chuyên viên hành chính, nhân viên hỗ trợ có năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc, có phẩm chất, đạo đức đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

2.1.5. Về hợp tác trong nước và quốc tế

- Tiếp tục phát huy vai trò dẫn dắt, hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật, hợp tác với doanh nghiệp; công nhận tín chỉ của các cơ sở đào tạo khác đảm bảo cho người học có thể liên thông giữa các chương trình, đặc biệt là việc liên thông dọc và liên thông ngang với các trường cao đẳng luật và Học viện Tư pháp thuộc Bộ Tư pháp. Mỗi năm Trường sẽ ký thỏa thuận hợp tác với ít nhất 30 đối tác trong nước.

- Tiếp tục củng cố quan hệ đối tác ổn định, có chiều sâu với các cơ sở đào tạo luật có uy tín trong khu vực và trên thế giới; tăng cường trao đổi, cử giảng viên, sinh viên đi đào tạo, bồi dưỡng, tham gia hội nghị, hội thảo... tại các trường đối tác nước ngoài nhằm nâng cao kiến thức, kinh nghiệm, năng lực trong các lĩnh vực pháp luật quan trọng, đặc biệt pháp luật quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế; tăng cường khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế... Hằng năm, có nhiều hoạt động giao lưu, trao đổi với sinh viên quốc tế được tổ chức tại Trường và sinh viên của Trường tham gia ít nhất 03 cuộc thi tranh tụng giả định bằng tiếng Anh (ở cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế). Phân đầu đến năm 2025, Trường chủ trì tổ chức 01 cuộc thi trong khu vực; có ít nhất 50 thỏa thuận hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các cơ sở đào tạo nghiên cứu nước ngoài; có tối thiểu 20 sinh viên/giảng viên của Trường hàng năm tham gia các chương trình trao đổi và tiếp nhận 05 giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy tại Trường.

2.1.6. Về cơ sở vật chất và công nghệ thông tin

- Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất khang trang, hiện đại Cơ sở 2 của Trường Đại học Luật Hà Nội tại thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; nâng

cấp, cải tạo, hiện đại tại trụ sở chính và Phân hiệu của Trường tại tỉnh Đắk Lắk để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý.

- Tiếp tục đầu tư mạnh cho trung tâm thông tin thư viện, trung tâm học liệu và các trung tâm, tiện ích phục vụ trao đổi, nghiên cứu khoa học để có thể chia sẻ, khai thác chung với các cơ quan, ban ngành, trung ương, địa phương và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khác ở trong và ngoài nước.

- Cơ bản hoàn thành công tác chuyển đổi số trên các mặt hoạt động công tác của Nhà trường; đảm bảo tính liên thông tốt trong công tác quản trị dựa trên nền tảng công nghệ thông tin của trụ sở chính, Cơ sở 2 và Phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk; tạo khả năng kết nối, trao đổi, làm việc trực tuyến với các cơ sở giáo dục, đào tạo, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn trong nước và nước ngoài.

2.2. Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030

2.2.1. Về đào tạo

Khẳng định vị trí, vai trò dẫn dắt của cơ sở đào tạo theo định hướng nghiên cứu về pháp luật hàng đầu ở Việt Nam; không ngừng phát triển, đa dạng chương trình đào tạo, các phương thức đào tạo; tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ và thực chất về chất lượng đào tạo, từng bước vươn tầm khu vực và quốc tế. Duy trì quy mô đào tạo khoảng 21.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, trong đó tăng quy mô đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên đến năm 2030 không quá 20. Đến năm 2030, quy mô tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trung bình không thấp hơn 20% của quy mô tuyển sinh trong năm.

2.2.2. Về nghiên cứu khoa học

Tiếp tục khẳng định vị thế cơ sở đào tạo luật hàng đầu trong hệ thống mang tính dẫn dắt trong nghiên cứu cơ bản có chiều sâu, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng theo hướng chuyên sâu gắn với nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện thể chế nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tăng cường chất lượng và số lượng các sản phẩm khoa học và công bố quốc tế; phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường khả năng tự chủ, thúc đẩy hợp tác trong nước và quốc tế về hoạt động khoa học và công nghệ. Đến năm 2030, mỗi năm công bố ít nhất 100 bài báo trên các tạp chí khoa học uy tín trên thế giới và đạt tỷ lệ trung bình một giảng viên cơ hữu mỗi năm công bố từ 0,3 bài báo quốc tế trở lên, có 10 chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác nước ngoài; bình quân mỗi năm trong giai đoạn thực hiện 07 đề tài khoa học cấp Nhà nước hoặc cấp Bộ, ngành, địa phương; tổ chức bình quân 05 hội thảo quốc gia, quốc tế/năm; xuất bản khoảng 15 sách chuyên khảo/năm.

2.2.3. Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng

Trở thành cơ sở đào tạo luật tiên phong trong công tác phổ biến, tuyên

truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng; công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng đi vào chiều sâu, có tầm ảnh hưởng rộng rãi. Đến năm 2030, số vụ, việc tư vấn cho khách hàng ở các lĩnh vực pháp luật tối thiểu khoảng 400 vụ, việc/năm, trong đó miễn phí khoảng 30-40%; tổ chức định kỳ các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật miễn phí cho các đối tượng khác nhau, mỗi năm có khoảng 30 chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật dưới các hình thức khác nhau.

2.2.4. Về nhân lực và tổ chức bộ máy

Tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của Trường Đại học Luật Hà Nội tương xứng với nhiệm vụ thực hiện Đề án xây dựng Trường thành Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật. Tổ chức bộ máy, hệ thống quản trị của Trường được hoàn thiện theo yêu cầu của trường đại học định hướng nghiên cứu, trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.

Phát triển đội ngũ giảng viên có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn và hội nhập quốc tế: Đến năm 2030 có khoảng 600 giảng viên; tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt khoảng 40 - 45%, trong đó khoảng 25 - 30% giảng viên có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 50% giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài; tiếp tục phát triển mạnh đội ngũ giảng viên thỉnh giảng; tăng cường trao đổi giảng viên giữa các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước, nhất là giữa Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; đến năm 2030, giảng viên thỉnh giảng có thể đảm nhiệm khoảng 20% khối lượng công việc giảng dạy của Trường.

Đội ngũ lãnh đạo, quản lý, chuyên viên, nhân viên hành chính có phẩm chất, năng lực, chuyên nghiệp và khả năng hội nhập cao theo yêu cầu tổ chức và hoạt động của Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật, cơ sở giáo dục định hướng nghiên cứu; 90% lãnh đạo cấp phòng trở lên có thể sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp, làm việc với các đối tác nước ngoài; 70% đội ngũ viên chức có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp; 100% đội ngũ viên chức quản lý, giảng viên, chuyên viên trong toàn Trường có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2.2.5. Về hợp tác trong nước và quốc tế

Tiếp tục phát huy vai trò dẫn dắt trong Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam, hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp; mở rộng công nhận tín chỉ của các cơ sở đào tạo khác đảm bảo cho người học có thể liên thông giữa các chương trình. Mỗi năm Trường sẽ ký thỏa thuận hợp tác với 15 - 20 đối tác trong nước.

Tiếp tục củng cố quan hệ đối tác ổn định, có chiều sâu với các cơ sở đào tạo luật có uy tín trong khu vực và trên thế giới; đẩy mạnh trao đổi, cử giảng

viên, sinh viên đi đào tạo, bồi dưỡng, tham gia hội nghị, hội thảo... tại các trường đối tác nước ngoài; có ít nhất 100 thỏa thuận hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu nước ngoài; hằng năm, Trường có tối thiểu 40 sinh viên/giảng viên tham gia các chương trình trao đổi, ít nhất 10 chương trình giao lưu học tập cho sinh viên chương trình chất lượng cao và tiếp nhận 10 giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy tại Trường; hằng năm, sinh viên tham gia ít nhất 05 cuộc thi tranh tụng giả định bằng tiếng Anh (ở cấp độ quốc gia, khu vực hoặc quốc tế). Phấn đấu đến năm 2030, Trường chủ trì tổ chức ít nhất 02 cuộc thi tranh tụng giả định bằng tiếng Anh trong khu vực.

2.2.6. Về cơ sở vật chất và công nghệ thông tin

- Có hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại được đầu tư bài bản, theo hướng hiện đại tại trụ sở chính, Cơ sở 2 và Phân hiệu, nhất là hệ thống giảng đường, trung tâm thông tin - thư viện - học liệu và các trung tâm nghiên cứu khoa học; đảm bảo phương tiện làm việc cho đội ngũ viên chức hành chính, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập.

- Có hệ thống trung tâm thông tin thư viện, trung tâm học liệu được đầu tư hiện đại, bài bản, dần trở thành nguồn tư liệu phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu cho các cơ sở đào tạo luật và cho các hoạt động nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật của các cơ quan, bộ, ngành ở trung ương, địa phương; ưu tiên phát triển thư viện số và chuyển đổi số.

- Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin theo hướng tập trung, hiện đại, hiệu quả, đồng bộ và hoàn thành Đề án chuyển đổi số; đảm bảo nền tảng công nghệ thông tin cho đào tạo E-learning; 100% các văn bản chỉ đạo điều hành được trao đổi trên môi trường mạng; 60% công tác giao tiếp của người học với nhà trường được giải quyết qua hệ thống công nghệ thông tin; 50% bài giảng của giảng viên được đưa lên hệ thống E-Learning; giảng dạy trực tuyến theo tỷ lệ tối đa pháp luật quy định; 100% viên chức, người học sử dụng thư điện tử tên miền hlu.edu.vn trong công việc; 100% người học nộp học phí qua các ứng dụng ngân hàng, ví điện tử; 40% các cuộc họp diễn ra bằng phương thức trực tuyến; 100% các đơn vị, phòng học trong Trường (gồm có trụ sở chính, phân hiệu tại tỉnh Đắk Lắk và Cơ sở 2) được kết nối mạng LAN và wifi với băng thông cao ổn định; xây dựng hoàn thiện phòng máy chủ thành Data Center theo đúng tiêu chuẩn; các tòa nhà của Trường được kết nối với phòng Server bằng cáp quang để đảm bảo băng thông; xây dựng hoàn thiện hệ thống wifi tập trung độ chịu tải cao, tốc độ cao nhằm đảm bảo cho giảng viên, sinh viên giảng dạy và học tập tốt qua môi trường mạng; đưa một số dịch vụ công nghệ thông tin của Trường lên môi trường Cloud để vận hành tốt, đảm bảo lượng truy cập lớn.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính, tiến tới tự chủ chi đầu tư chậm nhất vào năm 2030 bằng việc gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, các hoạt động khoa học và công nghệ, tạo được nguồn lực tài chính đáp ứng cơ bản yêu cầu xây dựng và phát triển Trường.

Phần thứ ba

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT

I. VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

1. Nhiệm vụ

Đổi mới toàn diện công tác đào tạo, tạo chuyển biến mạnh về chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực pháp luật có chất lượng cao cho đất nước.

2. Giải pháp

- Mở rộng quy mô đào tạo hệ chính quy, duy trì hợp lý quy mô đào tạo vừa làm vừa học; chú trọng đào tạo chất lượng cao, đặc biệt là đào tạo cử nhân chính quy tập trung và sau đại học; tăng cường đào tạo chuyên sâu phục vụ quá trình hội nhập.

- Thực hiện cơ chế đào tạo đặc thù: tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngoài trụ sở chính đối với trình độ đại học văn bằng 2 chính quy, hệ sau đại học theo đặt hàng của các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương; tuyển sinh và tổ chức đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo tại Cơ sở 2 ngay sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng các hạng mục của giai đoạn 1 Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 tại thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; xác định đội ngũ giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đến tuổi nghỉ hưu được Trường ký hợp đồng lao động là giảng viên cơ hữu để huy động tối đa nguồn lực, không dẫn đến chảy máu chất xám trong đào tạo và kiểm soát tốt nguồn lực trong thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

- Phát triển và đa dạng hoá các chương trình đào tạo theo hướng đa ngành, liên ngành, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế. Tiếp tục khẳng định thế mạnh đào tạo những vấn đề lý luận cơ bản, nền tảng về nhà nước và pháp luật, kiến thức chuyên ngành về bộ máy nhà nước, luật hành chính, luật hình sự, luật kinh tế, luật quốc tế, luật thương mại quốc tế, luật dân sự, luật tố tụng hình sự, luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính. Nghiên cứu xây dựng lộ trình mở thêm một số mã ngành, chuyên ngành đào tạo mới, có quan hệ mật thiết hoặc bổ trợ cho các chuyên ngành đào tạo luật học trong các lĩnh vực. Đến năm 2025, mở mã ngành, chuyên ngành Luật sở hữu trí tuệ, Luật thi hành án dân sự, Luật tài chính ngân hàng, Luật bảo vệ sức khỏe (Health Law). Đến năm 2030, mở mã ngành, chuyên ngành Luật biển, Quyền con người, Quản trị - luật, Chính trị - luật; Luật thương mại quốc tế, Luật so sánh (ở trình độ sau đại học)...

- Tham khảo chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo luật uy tín trên thế giới và vận dụng vào chương trình đào tạo của Nhà trường. Thí điểm tiếp nhận một số chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài cùng với chuyển giao công nghệ đào tạo và đội ngũ giáo sư nước ngoài đến giảng dạy tại Trường. Xây dựng

các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi sinh viên; đào tạo chuyển tiếp giữa Trường với các cơ sở đào tạo luật của nước ngoài và cấp bằng song song.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân, tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, năng lực ngoại ngữ, năng lực hội nhập và kỹ năng làm việc hiện đại.

- Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng nhu cầu của xã hội; đa dạng hóa các loại hình đào tạo trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển của Trường (liên kết đào tạo trong nước và quốc tế, đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo đặt hàng của nhà tuyển dụng...). Đến năm 2025, có ít nhất 01 ngành, chuyên ngành đào tạo đạt trình độ các nước tiên tiến trong khu vực, 02 chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học và sau đại học. Đến năm 2030, có 02 đến 03 chuyên ngành, ngành đào tạo đạt trình độ các nước tiên tiến trong khu vực; có 04 chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học và sau đại học với các cơ sở đào tạo luật có uy tín trên thế giới.

- Thực hiện đa dạng hoá các loại hình đào tạo, bồi dưỡng; triển khai các chương trình, khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức mới, hiện đại, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tổ chức các loại hình đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến; đổi mới và nâng cao chất lượng tuyển sinh ở các bậc, các hệ đào tạo; chú trọng thu hút để tuyển sinh những sinh viên xuất sắc, sinh viên quốc tế học tập, nghiên cứu tại Trường.

- Tăng quy mô để cung cấp cho thị trường lao động số lượng lớn cán bộ pháp luật có chất lượng; đảm bảo năng lực thực hiện đào tạo theo các đề án, chương trình hợp tác với các bộ, ngành và địa phương; đào tạo cán bộ pháp luật theo đơn đặt hàng của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; đào tạo cán bộ pháp luật đáp ứng các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước trong từng giai đoạn.

- Đổi mới phương pháp đào tạo, dạy và học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học; triển khai phương pháp đào tạo gắn với việc phát triển các chương trình đào tạo, gắn kết giữa lý luận, nghiên cứu khoa học và thực tiễn; bảo đảm cho sinh viên được thực tập, tăng cường trang bị kiến thức thực tiễn cho sinh viên. Ứng dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, phát huy tính chủ động tự giác của người học, chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội. Tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá trong dạy và học theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế.

- Nâng cao kiến thức ngoại ngữ và năng lực hội nhập cho sinh viên. Tăng cường xây dựng môi trường ngoại ngữ trong Nhà trường, ưu tiên các hoạt động định hướng nghề nghiệp, thực hành và hỗ trợ kết nối việc làm cho sinh viên. Mở rộng hoạt động giao lưu quốc tế giữa sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội (đặc biệt là sinh viên lớp chất lượng cao, lớp liên kết đào tạo) với sinh viên các nước thông qua các chương trình giao lưu, hội thảo sinh viên, gửi những

sinh viên xuất sắc của Trường đi đào tạo, thực tập ngắn hạn ở các cơ sở đào tạo luật nước ngoài.

- Chú trọng thực hiện trách nhiệm giải trình với các bên liên quan và với xã hội. Tất cả các chỉ số chất lượng đào tạo và thông tin đào tạo được công bố công khai và minh bạch. Các hoạt động của Trường được các bên liên quan tham gia góp ý, đánh giá. Đến năm 2025, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tham gia bảng xếp hạng trường đại học theo tiêu chuẩn quốc tế. Đến năm 2030, 100% các chương trình đào tạo của Trường (các bậc đào tạo đại học và sau đại học) đủ điều kiện kiểm định đều đạt chứng nhận kiểm định chất lượng đào tạo theo các tiêu chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phấn đấu trở thành thành viên của Mạng lưới kiểm định chất lượng đào tạo châu Á và có ít nhất 1 chương trình đào tạo được kiểm định theo bộ tiêu chuẩn kiểm định của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network – AUN).

II. VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Nhiệm vụ

Đầu tư kịp thời để đạt hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học pháp lý phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, pháp luật và hội nhập quốc tế.

2. Giải pháp

- Được Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương liên quan đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia, nhiệm vụ khoa học trọng điểm về nghiên cứu chính sách, pháp luật.

- Đa dạng hóa, tăng cường hợp tác trong nghiên cứu, chú trọng công bố kết quả nghiên cứu và công bố quốc tế. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với hoạt động khoa học và công nghệ của Trường để phát huy tiềm lực khoa học của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và viên chức của Trường, đảm bảo kết hợp giữa nghiên cứu khoa học với giảng dạy và phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện, thực hiện chính sách, pháp luật, cải cách pháp luật, cải cách tư pháp. Sử dụng một phần kinh phí đối ứng từ nguồn thu sự nghiệp của Trường để thực hiện các nhiệm vụ khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương.

- Thu hút, phát huy trí tuệ, hàm lượng chất xám của các nhà khoa học, đặc biệt là các nhà khoa học đầu ngành vào các hoạt động xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực, đặc biệt là hoàn thiện thể chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa định hướng xã hội chủ nghĩa; chú trọng đến các hoạt động của Bộ Tư pháp, ngành Tư pháp.

- Tăng cường thực hiện các đề tài, đề án nghiên cứu lớn; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học có tầm ảnh hưởng, đẩy mạnh xuất bản sách chuyên khảo, kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế có ISBN...

- Phát triển quan hệ hợp tác sâu, rộng về khoa học công nghệ với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước để tăng cường các nguồn lực, khai thác hiệu quả nguồn nhân lực

nghiên cứu khoa học chất lượng cao của Trường; nâng cao tính quốc tế trong hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua hợp tác để thực hiện các dự án nghiên cứu có tài trợ quốc tế, tổ chức các hội thảo, diễn đàn khoa học quốc tế, hợp tác với các nhà khoa học nước ngoài để thực hiện các nghiên cứu chung, hợp tác để công bố quốc tế.

- Chú trọng và thúc đẩy các nghiên cứu liên ngành luật và các lĩnh vực khoa học khác, đặc biệt ưu tiên các lĩnh vực khoa học chính trị, khoa học xã hội - nhân văn và các khía cạnh pháp lý của một số ngành khoa học tự nhiên có vai trò then chốt trong sự phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện các đề tài, đề án, công trình, dự án nghiên cứu lớn, có công bố quốc tế với cơ chế, chính sách và hỗ trợ phù hợp; có chính sách thu hút các nhà khoa học uy tín trong và ngoài nước hợp tác nghiên cứu với Trường.

- Tiếp tục xây dựng các đơn vị chuyên môn thành các đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học then chốt của Trường; thành lập, nâng cấp một số viện, trung tâm nghiên cứu trực thuộc trong các lĩnh vực mũi nhọn để huy động nguồn lực, hợp tác, phát triển về khoa học, công nghệ.

III. VỀ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT, TƯ VẤN PHÁP LUẬT, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

1. Nhiệm vụ

Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng kết hợp với nâng cao chất lượng để duy trì vị thế hàng đầu của cơ sở đào tạo.

2. Giải pháp

- Duy trì các hình thức phổ biến, tuyên truyền pháp luật truyền thống, phát triển các hình thức mới gắn với công nghệ thông tin, kỹ thuật số, sử dụng Cổng thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia để tăng số lượng đối tượng được phổ biến, tuyên truyền; tăng cường các hoạt động phục vụ cộng đồng, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý định kỳ, các hoạt động tư vấn pháp luật có thu phí hoặc miễn phí theo quy định và tổ chức đào tạo ngắn hạn tăng dần hàng năm, đóng góp vào nguồn thu chung của Trường.

- Nâng cao chất lượng hoạt động phổ biến, tuyên truyền pháp luật. Triển khai đồng bộ hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và cung cấp các dịch vụ pháp lý chất lượng cao nhằm khai thác tiềm năng sẵn có đồng thời gắn kết công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với thực tiễn; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng pháp luật theo nhu cầu xã hội.

- Nâng cao năng lực và mở rộng hoạt động của Trung tâm Tư vấn pháp luật làm đầu mối tiếp nhận, cung cấp dịch vụ pháp lý chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân. Chuyên nghiệp hóa đội ngũ chuyên gia tư vấn pháp luật có uy tín trong Nhà trường; phát triển đội ngũ cộng tác viên là cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia thực tiễn.

- Được bố trí nguồn kinh phí đảm bảo cho các hoạt động phục vụ cộng đồng, trợ giúp pháp luật miễn phí.

- Có chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý và phục vụ cộng đồng nhằm khai thác vốn chất xám sẵn có, đồng thời tăng cường kiến thức thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên để đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng kế hoạch hợp tác trọng tâm, lựa chọn các đối tác chiến lược, đối tác truyền thống và các địa bàn trọng điểm để đào tạo, cung cấp dịch vụ pháp lý, công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật và phục vụ cộng đồng.

- Tăng cường sự phối hợp giữa Trường với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với các sự kiện quan trọng của đất nước.

- Được các Bộ, ngành và các địa phương đặt hàng đào tạo đội ngũ công chức, viên chức làm công tác pháp luật; Bộ Công an; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Tư pháp giao thực hiện Đề án về Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đối tượng đặc thù trong cả nước (những người yếu thế, phạm nhân trong các trại giam...).

- Được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ biên soạn giáo trình, tài liệu và triển khai bồi dưỡng kiến thức pháp luật đối với đội ngũ giáo viên giảng dạy giáo dục công dân của các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

IV. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ

1. Nhiệm vụ

- Hoàn chỉnh tổ chức bộ máy, hệ thống quản trị đại học của Trường theo hướng hiệu quả, hiện đại, ứng dụng mạnh công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động.

- Phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên hành chính, phục vụ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Trường trở thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.

2. Giải pháp

- Rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn; nghiên cứu thành lập một số viện nghiên cứu, đơn vị kinh doanh, cung cấp dịch vụ, khảo thí ngoại ngữ theo hướng tự chủ; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, đào tạo, giảng dạy - học tập; từng bước áp dụng tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị hiện đại.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ về số lượng và mạnh về chất lượng theo hướng: phát triển đội ngũ nhân sự phù hợp với yêu cầu của từng đơn vị, tăng tỷ lệ tiến sĩ; thu hút các giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên được đào tạo ở nước ngoài theo các mục tiêu của Đề án; tiếp tục sử dụng đội ngũ giảng

viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ hoặc chuyên gia thực tiễn có trình độ tiến sĩ, có năng lực, trình độ, kinh nghiệm, thâm niên công tác dưới hình thức ký hợp đồng lao động sau khi đến tuổi nghỉ hưu; thu hút giảng viên nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu tại Trường.

- Chú trọng công tác đánh giá, phân loại chất lượng đội ngũ giảng viên một cách thực chất; gắn đánh giá viên chức với phân công nhiệm vụ và xếp loại thi đua khen thưởng hằng năm; có chính sách thu hút nhân tài làm giảng viên và cán bộ quản lý; phát triển mạnh đội ngũ giảng viên giảng dạy chuyên ngành luật bằng ngoại ngữ và giảng viên giảng dạy ngoại ngữ của Trường.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dưới nhiều hình thức, chú trọng việc gửi người lao động, nhất là đội ngũ giảng viên ra nước ngoài học tập, nghiên cứu, trao đổi, dự hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm; khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia hoạt động xây dựng, phản biện chính sách, hoạt động tư vấn và thực hành nghề luật; đa dạng hóa hợp tác quốc tế nhằm phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ giảng viên.

- Tăng cường trao đổi giảng viên giữa các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước, đặc biệt với Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh và các trường đại học luật, Khoa Luật thuộc Đại học quốc gia; khuyến khích, tạo điều kiện cho giảng viên tham gia giảng dạy ở nước ngoài; mời các giáo sư, chuyên gia pháp luật có uy tín là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài, các thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên, luật sư, chuyên gia pháp luật, các luật sư nước ngoài đang hành nghề tại Việt Nam, cán bộ quản lý đang công tác tại các tòa án, các cơ quan tư pháp, các cơ quan đơn vị hành chính - sự nghiệp và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành cho sinh viên.

- Tiếp tục quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Trường đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn sắp tới nhằm tạo sự chủ động, sớm phát hiện cán bộ có phẩm chất, năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực hội nhập, được đào tạo bài bản về quy hoạch, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, đáp ứng các nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Nhà trường. Chú trọng kiện toàn các đơn vị, trong đó đặt trọng tâm kiện toàn tổ chức, cán bộ những đơn vị thế mạnh, chủ lực của Trường.

- Xây dựng đội ngũ viên chức hành chính tinh gọn, chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất, có khả năng sáng tạo, thực hiện tốt công việc; hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và tiêu chí đánh giá công tác của đội ngũ viên chức hành chính; chú trọng đào tạo bồi dưỡng kiến thức, năng lực làm việc cho đội ngũ viên chức hành chính; có khả năng ứng dụng mạnh công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và giải quyết công việc.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn, năng lực hội nhập. Được ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 (theo Quyết định số 89/QĐ-TTg

ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ) và Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và các nguồn kinh phí khác.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường, trả lương theo vị trí việc làm và mức độ đóng góp, hoàn thành nhiệm vụ; áp dụng chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, quản lý, viên chức, người lao động theo quy định đối với Trường trọng điểm. Có cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường; khuyến khích cạnh tranh lành mạnh và sử dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên phù hợp với năng lực và sở trường của từng người; khuyến khích giảng viên trẻ tham gia hoạt động xây dựng, phản biện chính sách, hoạt động tư vấn và thực hành nghề luật.

- Thiết lập cơ chế và tăng cường sự kết nối giữa Trường Đại học Luật Hà Nội với Hội Cựu sinh viên của Trường; tranh thủ khai thác, tận dụng sự ủng hộ của Hội sinh viên trong việc phát triển Trường, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và truyền bá tư tưởng pháp lý.

V. VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

1. Nhiệm vụ

Thiết lập, tiếp tục củng cố và phát triển quan hệ đối tác ổn định, có chiều sâu với các cơ sở đào tạo luật uy tín trong nước, khu vực và trên thế giới; mở rộng quan hệ đối tác với các cơ sở nghiên cứu, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp...

2. Giải pháp

- Đẩy mạnh ký kết, triển khai thực hiện các thoả thuận hợp tác với các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp; xây dựng cơ chế sử dụng hiệu quả tiềm năng nguồn nhân lực và tài chính, cơ sở vật chất của các đối tác trong nước để đẩy mạnh hoạt động đào tạo có tính thực tế và nghiên cứu khoa học có tính ứng dụng cao.

- Thiết lập, củng cố và phát triển quan hệ hợp tác ổn định, có chiều sâu với các cơ sở đào tạo luật có uy tín trên thế giới tại các nước phát triển, nhất là các đối tác truyền thống; tiếp tục mở rộng phát triển quan hệ với các trường có uy tín trên thế giới và tại khu vực Đông Nam Á. Tăng cường đàm phán, ký kết thoả thuận hợp tác với các cơ sở đào tạo luật nước ngoài.

- Nắm bắt, khai thác những thế mạnh của từng đối tác trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển chương trình đào tạo, trao đổi sinh viên, giảng viên, trao đổi, chia sẻ tài liệu, thông tin khoa học; xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn, dài hạn giảng dạy bằng tiếng Anh và các ngôn ngữ nước ngoài khác để thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Trường.

- Tăng cường các môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh trong chương trình đào tạo, khuyến khích sinh viên tích cực tham gia các chương trình trao đổi sinh viên với các trường đối tác, các cuộc thi, hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên mang tính chất quốc tế.

VI. VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Nhiệm vụ

- Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại học phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tư vấn pháp luật; là trung tâm phát triển nguồn tư liệu, học liệu pháp luật cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị; trung tâm tổ chức các hoạt động, diễn đàn chia sẻ, truyền bá về pháp luật trong nước và quốc tế.

- Chú trọng đầu tư mạnh cho công nghệ thông tin và chuyển đổi số đối với các hoạt động của Trường.

- Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính trong hoạt động của Trường với sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước ở những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm.

2. Giải pháp

- Tiếp tục tăng cường vốn đầu tư của Nhà nước, các nguồn kinh phí từ hợp tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, nguồn tài trợ và vốn vay ODA, vay tín dụng ưu đãi tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hệ thống học liệu, hệ thống công nghệ thông tin và hiện đại cho Trường Đại học Luật Hà Nội; được bố trí đủ nguồn vốn để hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 tại tỉnh Bắc Ninh đúng tiến độ.

- Được bố trí toàn bộ hoặc một phần nguồn kinh phí đầu tư triển khai chuyển đổi số, nâng cấp hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; đầu tư cho đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên, chuyên viên; phát triển nguồn giáo trình, học liệu, nghiên cứu khoa học; đầu tư cải tạo, sửa chữa hiện đại hóa cơ sở vật chất.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng Trung tâm Thông tin thư viện của Trường tại Cơ sở 2 và Phân hiệu. Đầu tư xây dựng các trung tâm hội nghị, hội thảo, trung tâm học liệu tiên tiến, hiện đại có khả năng đáp ứng tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn khoa học lớn trong và ngoài nước.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại để duy trì, phát triển hệ thống thư viện hiện đại và các trung tâm nghiên cứu khoa học tiên tiến; biên soạn giáo trình, tài liệu. Đầu tư mạnh cho việc số hoá giáo trình, tài liệu, phát triển thư viện số, học liệu điện tử phục vụ việc tra cứu của giảng viên, sinh viên và chia sẻ nguồn tài nguyên dữ liệu số với các cơ quan, bộ ngành ở trung ương và địa phương; trong đó chú trọng, ưu tiên xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật các nước ASEAN và hệ thống luật phục vụ hội nhập quốc tế; xã hội hoá và tăng cường chia sẻ nguồn học liệu với các tổ chức đào tạo, nghiên cứu có uy tín trong và ngoài nước. Hợp tác, liên kết và chia sẻ nguồn thông tin với các cơ quan thông tin, thư viện thuộc khối nội chính và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, thực hành pháp luật trong nước và trên thế giới.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý các mặt hoạt động của Trường với lộ trình phù hợp, trong đó tập trung vào công tác quản lý, điều hành, công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa

học, quản lý hành chính - nhân sự, tài chính, tài sản... Đến năm 2025, Trường cơ bản hoàn thành kế hoạch chuyển đổi số. Đến năm 2030 tiếp tục cải tiến, nâng cấp hệ thống chuyển đổi số đáp ứng toàn diện các yêu cầu hoạt động của Trường.

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế thích hợp để huy động các nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất ngoài học phí phục vụ cho việc hoàn thiện cơ sở vật chất và sự phát triển toàn diện của Trường, đặc biệt chú trọng các nguồn tài trợ tiềm năng như các doanh nghiệp, cựu sinh viên của Trường.

- Tăng cường thu hút, tận dụng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, các nguồn kinh phí từ hợp tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, nguồn tài trợ, vay tín dụng ưu đãi tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hiện đại cho Trường Đại học Luật Hà Nội.

- Thực hiện cơ chế khoán hoặc thuê ngoài đối với những hoạt động hoặc dịch vụ không cơ bản; xây dựng mức thu nhập cho từng nhóm viên chức, người lao động trong Trường với nguyên tắc lấy giảng viên là trung tâm; thực hiện giám sát tài chính, kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập.

- Xây dựng lộ trình tăng học phí đối với các chương trình đào tạo trên cơ sở có cạnh tranh, thu hút người học, bù đắp được các chi phí đào tạo theo cơ chế giá dịch vụ đào tạo.

- Đẩy mạnh và khai thác có hiệu quả đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê đối với các tài sản chưa khai thác, sử dụng hết, nhàn rỗi theo đúng quy định của pháp luật.

Phần thứ tư
KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí của toàn bộ Đề án

ĐVT: Triệu đồng

STT	Kinh phí thực hiện Đề án	Giai đoạn		Tổng kinh phí
		2022 - 2025	2026 - 2030	
1	Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất	60.800	72.000	132.800
2	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức	33.000	45.600	78.600
3	Kinh phí phát triển nguồn học liệu thư viện	11.875	18.775	30.650
4	Kinh phí nghiên cứu khoa học	30.780	43.775	74.555
Tổng cộng:				316.605

2. Phân bổ kinh phí theo từng giai đoạn

a. Giai đoạn 2022 - 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Kinh phí thực hiện Đề án	Giai đoạn 2022 - 2025
1	Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất	60.800
2	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức	33.000
3	Kinh phí phát triển nguồn học liệu thư viện	11.875
4	Kinh phí nghiên cứu khoa học	30.780
	Tổng cộng:	136.455

b. Giai đoạn 2026 - 2030

ĐVT: Triệu đồng

STT	Kinh phí thực hiện Đề án	Giai đoạn 2026 - 2030
1	Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất	72.000
2	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức	45.600
3	Kinh phí phát triển nguồn học liệu thư viện	18.775
4	Kinh phí nghiên cứu khoa học	43.775
	Tổng cộng:	180.150

II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị cũng như theo đuổi triết lý đào tạo của mình, Trường Đại học Luật Hà Nội đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ một số nội dung như sau:

1. Xem xét, đồng ý phê duyệt Đề án: “Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”.

2. Xem xét ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của Trường, xác định địa vị pháp lý của Trường Đại học Luật Hà Nội là cơ sở đào tạo trọng điểm tương tự như Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Học viện Hành chính quốc gia thuộc Bộ Nội vụ...; cho Trường được hưởng các chế độ chính sách của các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm theo quy định.

3. Quan tâm, chỉ đạo các cấp, ngành triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng đội ngũ cán bộ pháp luật phục vụ công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó cần khẩn trương tăng cường kiểm soát chất lượng đào tạo luật và coi việc đào tạo cán bộ pháp luật là nhiệm vụ đặc thù trong phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

4. Có chính sách ưu tiên tuyển dụng, sử dụng sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Luật Hà Nội vào làm việc tại các cơ quan tư pháp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án “Tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”.

2. Trách nhiệm của các cơ quan

2.1. Bộ Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan, chỉ đạo Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Đề án tổng thể và Đề án thành phần (Đề án của Trường Đại học Luật Hà Nội, Đề án của Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi thẩm quyền của từng cơ quan và định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền kết quả thực hiện Đề án tổng thể và Đề án thành phần.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Quyết định này, Bộ Tư pháp phê duyệt phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch cụ thể và các Dự án có liên quan triển khai thực hiện Đề án xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.

2.2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thực hiện các giải pháp liên quan đến nội dung, chương trình đào

tạo, đổi mới quy trình, phương pháp đào tạo theo các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được nêu trong Đề án tổng thể và Đề án của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Quyết định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch cụ thể và các Dự án có liên quan triển khai thực hiện Đề án xây dựng Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.

2.3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn Trường Đại học Luật Hà Nội bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 trên cơ sở dự toán kinh phí theo đề xuất của Trường.

2.4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn và bố trí đủ nguồn kinh phí cho Trường Đại học Luật Hà Nội thực hiện Đề án tổng thể theo kế hoạch và tiến độ hằng năm.

2.5. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, và các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn Trường Đại học Luật Hà Nội xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của Trường; chỉ đạo, hướng dẫn Trường xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù cho cán bộ quản lý và giảng viên để thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cơ bản của Đề án tổng thể và Đề án của Trường Đại học Luật Hà Nội.

2.6. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo Trường Đại học Luật Hà Nội xây dựng và thực hiện Đề án thành phần về nghiên cứu khoa học.

2.7. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiếp tục phối hợp, hỗ trợ tích cực cho Trường Đại học Luật Hà Nội trong quá trình triển khai xây dựng Cơ sở 2 tại địa phương; Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phối hợp, tạo điều kiện cho Trường thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Đề án tại địa phương.

2.8. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố liên quan có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện Đề án này.

Phần thứ năm
CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1	Kết quả tuyển sinh
Phụ lục 2	Quy mô đào tạo
Phụ lục 3	Số lượng người học tốt nghiệp
Phụ lục 4	Quy mô cán bộ, giảng viên
Phụ lục 5	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức
Phụ lục 6	Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất
Phụ lục 7	Kinh phí phát triển nguồn học liệu
Phụ lục 8	Kinh phí nghiên cứu khoa học

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ TUYỂN SINH

Kết quả tuyển sinh giai đoạn 2013 - 2021 (Phụ lục 1A)

STT	Năm	Hệ đại học chính quy						Hệ vừa làm vừa học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
		Văn bằng 1				Văn bằng 2	Liên thông			
		Ngành luật	Ngành luật kinh tế	Ngành luật TMQT	Ngành ngôn ngữ Anh					
1.	2013	1600				200		1000	168	19
2.	2014	1978				250		1254	349	42
3.	2015	1900				600		1400	341	52
4.	2016	1900				600	120	816	475	53
5.	2017	1590	300	120	60	600	50	550	482	44
6.	2018	1570	400	120	120	800	50	918	492	14
7.	2019	1575	400	120	120	800	50	920	453	19
8.	2020	1625	400	120	120	800	00	950	396	23
9.	2021	1435	362	113	128	700	00	810	440	18

Kết quả tuyển sinh đào tạo Ngành Luật chất lượng cao giai đoạn 2013 - 2021
(Phụ lục 1B)

STT	Năm	Khóa	Số lượng sinh viên
1.	2014	39	93
2.	2015	40	169
3.	2016	41	130
4.	2017	42	191
5.	2018	43	173
6.	2019	44	175
7.	2020	45	193
8.	2021	46	246

**Kết quả tuyển sinh ngành Luật chương trình liên kết với Đại học Arizona,
Hoa Kỳ giai đoạn 2013 - 2021 (Phụ lục 1C)**

STT	Năm	Khóa	Số lượng sinh viên
1	2019	44	05
2	2020	45	14
3	2021	46	41

**Dự kiến tuyển sinh hằng năm giai đoạn 2022 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030
(Phụ lục 1D)**

STT	Giai đoạn	Hệ đại học chính quy						Hệ vừa làm vừa học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
		Văn bằng 1				Văn bằng 2	Liên thông			
		Ngành luật	Ngành luật kinh tế	Ngành luật TMQT	Ngành ngôn ngữ Anh					
1	2022-2025	2000	800	300	300	1200	00	800	500	30
2	2026-2030	2000	800	300	300	1200	00	700	1050	150

PHỤ LỤC 2
QUY MÔ ĐÀO TẠO

Quy mô đào tạo giai đoạn từ 2013 đến 2021 (Phụ lục 2A)

STT	Năm học	Hệ chính quy		Hệ vừa làm vừa học	Thạc sĩ (2 năm)	Tiên sĩ (4 năm)	Tổng quy mô
		VB1	VB2				
1.	2014	7476	764	5123	431	62	13856
2.	2015	7888	933	5135	387	71	14414
3.	2016	8796	989	5009	542	102	15438
4.	2017	8423	1754	4958	681	148	15964
5.	2018	8538	2223	4922	738	182	16603
6.	2019	9602	2562	4298	748	186	17396
7.	2020	9075	2346	3230	826	168	15645
8.	2021	9309	2350	3217	1146	197	16219

Quy mô đào tạo giai đoạn 2022 - 2025 và 2026 - 2030 (Phụ lục 2B)

STT	Năm học	Hệ chính quy		Hệ vừa làm vừa học	Thạc sĩ	Tiên sĩ	Tổng quy mô
		VB1	VB2				
1.	2022	9409	2550	3200	1176	200	16535
2.	2023	10009	2750	3100	1206	200	17265
3.	2024	10609	2950	3000	1236	200	17995
4.	2025	11209	3150	2900	1300	200	18759
5.	2026	11809	3350	2800	1330	200	19489
6.	2027	12490	3550	2700	1390	200	20330
7.	2028	13009	3750	2600	1440	200	20999
8.	2029	13009	3950	2500	1510	200	21169
9.	2030	13009	4150	2400	1600	200	21359

PHỤ LỤC 3
SỐ LƯỢNG NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP

STT	Năm học	Hệ đại học chính quy	Hệ vừa làm vừa học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1.	2013	1772	1634	194	11
2.	2014	1805	1710	186	06
3.	2015	2035	1320	352	08
4.	2016	2145	1170	347	13
5.	2017	2118	1908	293	13
6.	2018	2329	806	450	15
7.	2019	2206	1716	448	16
8.	2020	1866	530	476	20
9.	2021	2164	250	429	18
Tổng		18440	11044	3175	120

PHỤ LỤC 4
QUY MÔ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN

TT	Thời gian	Số lượng giảng viên cơ hữu
	Giai đoạn 2021 - 2025	
1	Số liệu hiện nay (chưa tuyển dụng năm 2021)	312
2	Năm 2021 (sau tuyển dụng)	340
3	Năm 2022	370
4	Năm 2023	400
5	Năm 2024	425
6	Năm 2025	450
	Giai đoạn 2026 - 2030	
1	Năm 2026	480
2	Năm 2027	510
3	Năm 2028	540
4	Năm 2029	570
5	Năm 2030	600

PHỤ LỤC 5
KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC
(Giai đoạn 2022 - 2030)

ĐVT: triệu đồng

Loại hình đào tạo		Tiền sĩ		Thạc sĩ		Văn bằng 2	Ngắn hạn		Số tiền
		Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài		Trong nước	Nước ngoài	
Giai đoạn 2022 - 2025	2022	5	1	5	1	10	100	5	8.075
	2023	6	1	6	1	10	110	5	8.225
	2024	6	1	8	1	10	120	5	8.350
	2025	6	1	8	1	10	120	5	8.350
Cộng Giai đoạn 2022 - 2025									33.000
Giai đoạn 2026 - 2030	2026	7	1	8	1	10	120	8	9.013
	2027	7	1	8	1	10	120	8	9.013
	2028	8	1	8	1	10	130	8	9.125
	2029	8	1	8	1	10	130	8	9.125
	2030	8	1	8	1	10	130	10	9.325
Cộng Giai đoạn 2026 - 2030									45.600
TỔNG CỘNG									78.600

- Học phí đào tạo 01 giảng viên ở trong nước được ước tính căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; theo đó: (1) học phí ThS bằng 1.5 lần học phí cử nhân; (2) học phí TS bằng 2.5 lần học phí cử nhân; (3) mức trần học phí đối với cử nhân năm học 2022 - 2023 là 2.500.000 đồng/tháng; (4) học phí tăng bình quân mỗi năm khoảng 12%. Như vậy, giai đoạn 2022 - 2025 (tính theo mức học phí năm học 2022 - 2023): TS. là 62.5 triệu/năm x 3 năm; ThS. là 37.5 triệu/năm x 2 năm; giai đoạn 2026 - 2030 (tính theo mức học phí năm học 2025-2026): TS. là 89.5 triệu/năm x 3 năm; ThS. là 53.7 triệu/năm x 2 năm;

- Tổng chi phí đào tạo 01 giảng viên ở nước ngoài ước tính trung bình là 5 tỷ/người cho một nghiên cứu sinh và 1,5 tỷ/người cho một thạc sĩ, bao gồm cả tiền học phí và tiền sinh hoạt phí.

- Học phí đào tạo Văn bằng 2 giai đoạn 2022 - 2025 (được tính theo mức học phí năm học 2022 - 2023): 37,5 triệu đồng/năm x 2,5 năm. Giai đoạn 2026 - 2030 (tính theo mức học phí năm học 2025 - 2026): 53,7 triệu đồng/năm x 2,5 năm.

- Học phí cho các khóa đào tạo ngắn hạn trong nước: Tính bình quân 5 triệu đồng/người/khóa.

- Học phí cho các khóa đào tạo ngắn hạn nước ngoài: Tính bình quân 100 triệu đồng/người/khóa.

PHỤ LỤC 6

KINH PHÍ ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT*DVT: triệu đồng*

STT	Giai đoạn	Nội dung Dự án/Nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư
1	Giai đoạn 2022-2025	Dự án nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	8.000
2		Nâng cấp Cổng thông tin điện tử và xây dựng trực tích hợp dữ liệu	8.000
3		Xây dựng phần mềm văn phòng điện tử	1.800
4		Xây dựng hệ thống phần mềm nghiệp vụ và tích hợp với trực tích hợp dữ liệu	8.000
5		Xây dựng Mobile App cho cán bộ giảng viên và sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội	3.500
6		Hệ thống công an ninh, tự động hóa thư viện (Cơ sở 2 Bắc Ninh)	3.500
7		Xây dựng hệ thống wifi toàn trường	3.000
8		Đầu tư trang thiết bị các hội trường, phòng học tại 87 Nguyễn Chí Thanh, Phân hiệu Đắk Lắk, Cơ sở 2 Bắc Ninh	3.000
9		Hệ thống camera giám sát (87 Nguyễn Chí Thanh, Phân hiệu Đắk Lắk, Cơ sở 2 Bắc Ninh)	4.000
10		Mua sắm tài sản phục vụ hoạt động đào tạo tại cơ sở 2 Bắc Ninh	3.000
11		Mua sắm, cải tạo sửa chữa tại 87 Nguyễn Chí Thanh, Phân hiệu Đắk Lắk	15.000
Tổng cộng Giai đoạn 2022 - 2025			60.800
1	Giai đoạn 2026-2030	Xây dựng Trung tâm điều hành	5.000
2		Xây dựng nền tảng đào tạo trực tuyến	8.000
3		Nâng cấp Cổng Thư viện điện tử	4.000
4		Xây dựng hệ thống giám sát, vận hành an toàn thông tin	10.000
5		Thiết bị tự động hóa thư viện	2.000

6		Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo	3.000
7		Nâng cấp, cải tạo hệ thống mạng internet nội bộ và đường truyền internet tốc độ cao tại 87 Nguyễn Chí Thanh, Phân hiệu Đắk Lắk, Cơ sở 2 Bắc Ninh	5.000
8		Xây dựng hệ thống giáo án điện tử	5.000
9		Đầu tư trang thiết bị các hội trường, phòng học tại 87 Nguyễn Chí Thanh, Phân hiệu Đắk Lắk, Cơ sở 2 Bắc Ninh	5.000
10		Mua sắm, cải tạo sửa chữa tại 87 Nguyễn Chí Thanh, Phân hiệu Đắk Lắk, Cơ sở 2 Bắc Ninh	25.000
Tổng cộng Giai đoạn 2026 - 2030			72.000
Tổng cộng			132.800

PHỤ LỤC 7
KINH PHÍ PHÁT TRIỂN NGUỒN HỌC LIỆU

Năm	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (triệu đồng)	Ghi chú
2022	Số hóa giáo trình, tài liệu	1.000	50.000	50	
	Cơ sở dữ liệu	2	250.000.000	500	
	Sách, tạp chí điện tử	400	2.000.000	800	
	Giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, tạp chí	13.000	100.000	1.300	
	Cộng			2.650	
2023	Số hóa giáo trình, tài liệu	1.000	50.000	50	
	Cơ sở dữ liệu	3	250.000.000	750	
	Sách, tạp chí điện tử	400	2.000.000	800	
	Giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, tạp chí	14.000	100.000	1.400	
	Cộng			3.000	
2024	Số hóa giáo trình, tài liệu	1.000	50.000	50	
	Cơ sở dữ liệu	3	250.000.000	750	
	Sách, tạp chí điện tử	400	2.000.000	800	
	Giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, tạp chí	15.000	100.000	1.500	
	Cộng			3.100	
2025	Số hóa giáo trình, tài liệu	1.500	50.000	75	
	Cơ sở dữ liệu	3	250.000.000	750	
	Sách, tạp chí điện tử	400	2.000.000	800	
	Giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, tạp chí	15.000	100.000	1.500	
	Cộng			3.125	
Cộng 2022-2025				11.875	
2026	Số hóa giáo trình, tài liệu	1.500	50.000	75	
	Cơ sở dữ liệu	4	250.000.000	1.000	
	Sách, tạp chí điện tử	500	2.000.000	1.000	

	Giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, tạp chí	16.000	100.000	1.600	
	Cộng			3.675	
2027	Số hóa giáo trình, tài liệu	1.500	50.000	75	
	Cơ sở dữ liệu	4	250.000.000	1.000	
	Sách, tạp chí điện tử	500	2.000.000	1.000	
	Giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, tạp chí	16.000	100.000	1.600	
	Cộng			3.675	
2028	Số hóa giáo trình, tài liệu	1.500	50.000	75	
	Cơ sở dữ liệu	4	250.000.000	1.000	
	Sách, tạp chí điện tử	500	2.000.000	1.000	
	Giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, tạp chí	17.000	100.000	1.700	
	Cộng			3.775	
2029	Số hóa giáo trình, tài liệu	1.500	50.000	75	
	Cơ sở dữ liệu	4	250.000.000	1.000	
	Sách, tạp chí điện tử	500	2.000.000	1.000	
	Giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, tạp chí	17.000	100.000	1.700	
	Cộng			3.775	
2030	Số hóa giáo trình, tài liệu	1.500	50.000	75	
	Cơ sở dữ liệu	4	250.000.000	1.000	
	Sách, tạp chí điện tử	500	2.000.000	1.000	
	Giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, tạp chí	18.000	100.000	1.800	
	Cộng			3.875	
Cộng 2026 - 2030				18.775	
TỔNG CỘNG				30.650	

PHỤ LỤC 8
KINH PHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Năm	Số đề tài				Số hội thảo		Thành tiền (triệu đồng)	Ghi chú
	Cấp Nhà nước	Cấp Bộ	Cấp trường	Cấp trường trọng điểm	Quốc tế	Cấp trường trọng điểm		
2022	1	5	40	3	3	3	7.545	
2023	1	5	40	3	3	3	7.545	
2024	1	5	45	3	3	3	7.845	
2025	1	5	45	3	3	3	7.845	
Cộng 2022-2025	4	20	170	12	12	12	30.780	
2026	1	5	50	5	5	5	8.575	
2027	1	5	50	5	5	5	8.575	
2028	1	6	50	5	5	5	8.875	
2029	1	6	50	5	5	5	8.875	
2030	1	6	50	5	5	5	8.875	
Cộng 2026-2030	5	28	250	25	25	25	43.775	
	TỔNG CỘNG						74.555	

Định suất trung bình cho 01 đề tài cấp Nhà nước được tính là 3 tỷ đồng;

Định suất trung bình cho 01 đề tài cấp Bộ được tính là 300 triệu đồng;

Định suất trung bình cho 01 đề tài cấp Trường được tính là 60 triệu đồng;

Định suất trung bình cho 01 đề tài cấp Trường trọng điểm được tính là 90 triệu đồng;

Định suất trung bình cho 01 hội thảo cấp Trường trọng điểm được tính là 45 triệu đồng;

Định suất trung bình cho 01 hội thảo quốc tế được tính là 80 triệu đồng.